Kinh Pháp Cú - Dhammapada Sutta {Anh Việt đối chiếu} (Khantipalo & Susanna dịch Anh; HT Thích Minh Châu dịch t

Kinh Pháp Cú — các bản dịch & giảng giải

BuddhaSasana budsas.net Chuyển sang dạng PDF bởi Thế Giới Phật Giáo .org (quốc tế)

Dhammapada Sutta (Khuddaka Nikaya - Sutta Pitaka)

The Path of Truth Kinh Pháp Cú English translation Vietnamese translation by Bhikkhu Khantipalo & Sister Susanna by Bhikkhu Thích Minh Châu Sydney, Australia, 1993 Sài Gòn, Việt Nam, 1996

I- Yamakavagga Twin Verses Phẩm Song Yếu

1. Mind precedes all knowables, 1. Ý dẫn đầu các pháp, mind's their chief, mind-made are they. Ý làm chủ, ý tạo; If with a corrupted mind Nếu với ý ô nhiễm, one should either speak or act Nói lên hay hành động, dukkha follows caused by that, Khổ não bước theo sau, as does the wheel the ox's hoof. Như xe, chân vật kéo.

2. Mind precedes all knowables, 2. Ý dẫn đầu các pháp, mind's their chief, mind-made are they. Ý làm chủ, ý tạo; If with a clear, and confident mind Nếu với ý thanh tịnh, one should speak and act Nói lên hay hành động, happiness follows caused by that, An lạc bước theo sau, as one's shadow ne'er departing. Như bóng, không rời hình.

3. Who bears within them enmity: 3. Nó mắng tôi, đánh tôi, "He has abused and beaten me, Nó thắng tôi, cướp tôi defeated me and plundered me", Ai ôm hiềm hận ấy, hate is not allayed for them. Hận thù không thể nguôi.

4. Who bears within no enmity: 4. Nó mắng tôi, đánh tôi, "He has abused and beaten me, Nó thắng tôi, cướp tôi defeated me and plundered me", Không ôm hiềm hận ấy, hate is quite allayed for them. Hận thù được tự nguôi.

5. Never here by enmity 5. Với hận diệt hận thù, are those with enmity allayed, Đời này không có được. they are allayed by amity, Không hận diệt hận thù, this is the timeless Truth. Là định luật ngàn thu.

6. Still others do not understand 6. Và người khác không biết, that we must perish in this world, Chúng ta đây bị hại. those who understand this, Chỗ ấy, ai hiểu được their quarrels are allayed. Tranh luận được lắng êm.

7. One who beauty contemplates, 7. Ai sống nhìn tịnh tướng, whose faculties are unrestrained, Không hộ trì các căn, in food no moderation knows, ăn uống thiếu tiết độ, is languid, who is indolent: biếng nhác, chẳng tinh cần.

that one does Mara overthrow Ma uy hiếp kẻ ấy, as wind a tree of little strength. như cây yếu trước gió.

8. One who foulness contemplates, 8. Ai sống quán bất tịnh, whose faculties are well-restrained, Khéo hộ trì các căn, in food does moderation know, ăn uống có tiết độ, is full of faith, who's diligent: Có lòng tin, tinh cần, that one no Mara overthrows, Ma không uy hiếp được, as wind does not a rocky mount. Như núi đá, trước gió.

9. One who wears the stainless robe 9. Ai mặc áo cà sa. [1] who's yet not free from stain, tâm chưa rời uế trược, without restraint and truthfulness không tự chế, không thực, for the stainless robe's unfit. không xứng áo cà sa

10. But one who is self-cleansed of stain, 10. Ai rời bỏ uế trược, in moral conduct firmly set, giới luật khéo nghiêm trì, having restraint and truthfulness tự chế, sống chơn thực, is fit for the stainless robe. thật xứng áo cà sa.

11. Conceiving the real in unreality 11. Không chân, tưởng chân thật, while seeing unreal the truly real, chân thật, thấy không chân: roaming fields of thoughts ill-formed: chúng không đạt chân thật, never they at the real arrive. do tà tư, tà hạnh.

12. That which is real they know as real, 12. Chân thật, biết chân thật, that unreal, to be unreal; Không chân, biết không chân: roaming fields of thought well-formed chúng đạt được chân thật, they at the real arrive. do chánh tư, chánh hạnh.

13. Even as the rain does penetrate 13. Như mái nhà vụng lợp, a house that's badly thatched, Mưa liền xâm nhập vào. likewise lust does penetrate Cũng vậy tâm không tu, the mind uncultivated. Tham dục liền xâm nhập.

14. As rain does never penetrate 14. Như ngôi nhà khéo lợp, a house that is well-thatched, Mưa không xâm nhập vào. so lust does never penetrate Cũng vậy tâm khéo tu, the mind well cultivated. Tham dục không xâm nhập.

15. Here one grieves, one grieves 15. Nay sầu, đời sau sầu, hereafter, Kẻ ác, hai đời sầu; in both ways does the evil-doer grieve; Nó sầu, nó ưu não, one grieves and is afflicted, Thấy nghiệp uế mình làm. one's own base kammas seeing.

16. Here one joys, one joys hereafter, 16. Nay vui,đời sau vui, in both ways does the merit-maker joy; Làm phước, hai đời vui, one joys and one rejoices, Nó vui, nó an vui, one's own pure kammas seeing. Thấy nghiệp tịnh mình làm.

17. Here one burns, one burns hereafter, 17. Nay than, đời sau than, in both ways does the evil-doer burn; Kẻ ác, hai đời than, evil I've done, remorsefully one burns, Nó than: 'Ta làm ác' and more one burns passed to realms of Đọa cõi dữ, than hơn. woe.

18. Here one's glad, one's glad hereafter, 18. Nay sướng, đời sau sướng, in both ways is the merit-maker glad; Làm phước, hai đời sướng. "Merit I've made", serenely one is glad, Nó sướng: 'Ta làm thiện', and more one's glad passed to blissful Sanh cõi lành, sướng hơn. states.

19. Though many sacred texts he chants 19. Nếu người nói nhiều kinh, the heedless man's no practicer, Không hành trì, phóng dật; as cowherd counting other's kine Như kẻ chăn bò người, in samanaship he has no share. Không phần Sa môn hạnh.

20. Though few of the sacred texts he 20. Dầu nói ít kinh điển, chants Nhưng hành pháp, tùy pháp, in Dhamma does his practice run, Từ bỏ tham, sân, si, clear of delusion, lust and hate, Tĩnh giác, tâm giải thoát, wisdom perfected, with heart well-freed, Không chấp thủ hai đời, not clinging to this or other world, Dự phần Sa môn hạnh. in samanaship he has a share

Chú thích: [1] Áo màu vàng, chỉ bậc xuất gia.

II- Appamadavagga Heedfulness Phẩm Không Phóng Dật

21. Heedfulness is the Deathless path, 21. Không phóng dật, đường sống, heedlessness, the path to death. Phóng dật là đường chết. Those who are heedful do not die, Không phóng dật, không chết, heedless are like the dead. Phóng dật như chết rồi.

22. The wise then, recognizing this 22. Biết rõ sai biệt ấy, as the distinction of heedfulness, Người trí không phóng dật, pleased with the spheres of Nobles Ones, Hoan hỷ, không phóng dật, in heedfulness rejoice. An vui hạnh bậc Thánh.

23. They meditate persistently, 23. Người hằng tu thiền định, constantly they firmly strive, Thường kiên trì tinh tấn. the steadfast to Nibbana reach, Bậc trí hưởng Niết Bàn, the Unexcelled Secure from bonds. Đạt an tịnh vô thượng.

24. Assiduous and mindful, 24. Nỗ lực, giữ chánh niệm, pure kamma making, considerate, Tịnh hạnh, hành thận trọng restrained, by Dhamma living, Tự điều, sống theo pháp, and in heedfulness, Ai sống không phóng dật, for one such spreads reknown. Tiếng lành ngày tăng trưởng.

25. By energy and heedfulness, 25. Nỗ lực, không phóng dật, by taming and by self-control, Tự điều, khéo chế ngự. the one who's wise should make as isle Bậc trí xây hòn đảo, no flood can overwhelm. Nước lụt khó ngập tràn.

26. Foolish folk of little wit 26. Chúng ngu si, thiếu trí, in heedlessness indulge, Chuyên sống đời phóng dật.

the one who's wise guards heedfulness Người trí, không phóng dật, kin to the greatest wealth. Như giữ tài sản quý.

27. Don't indulge in heedlessness! 27. Chớ sống đời phóng dật, Don't come near to sexual joys! Chớ mê say dục lạc. The heedful and contemplative Không phóng dật, thiền định, attains abundant bliss. Đạt được an lạc lớn.

28. When one who's wise does drive
28. Người trí dẹp phóng dật, away
Với hạnh không phóng dật, heedlessness by heedfulness,
Leo lầu cao trí tuệ, having ascended wisdom's tower
Không sầu, nhìn khổ sầu, steadfast, one surveys the fools,
Bậc trí đứng núi cao, griefless, views the grieving folk,
Nhìn kẻ ngu, đất bằng.

as mountaineer does those below.

29. Among the heedless, heedful, 29. Tinh cần giữa phóng dật, among the sleepy, wide awake. Tỉnh thức giữa quần mê. As the swift horse outruns a hack Người trí như ngựa phi, so one of good wisdom wins. Bỏ sau con ngựa hèn.

30. Heedfulness is always praised, 30. Đế Thích [1] không phóng dật, heedlessness is ever blamed. Đạt ngôi vị Thiên chủ. By heedfulness did Magha go Không phóng dật, được khen ; to lordship of the gods. Phóng dật, thường bị trách.

31. The bhikkhu liking heedfulness, 31. Vui thích không phóng dật, seeing fear in heedlessness, Tỷ kheo sợ phóng dật, advances as a conflagration Bước tới như lửa hừng, burning fetters great and small. Thiêu kiết sử lớn nhỏ.

32. The bhikkhu liking heedfulness, 32. Vui thích không phóng dật, seeing fear in heedlessness, Tỷ kheo sợ phóng dật, never will he fall away, Không thể bị thối đọa, near is he to Nibbana. Nhất định gần Niết Bàn.

Chú thích: [1] Đế Thích: Magha (Manavaka), vị lãnh đạo chư thiên

III- Cittavagga Mind Phẩm Tâm

33. Mind agitated, wavering, 33. Tâm hoảng hốt giao động, hard to guard and hard to check, Khó hộ trì, khó nhiếp, one of wisdom renders straight Người trí làm tâm thẳng, as arrow-maker a shaft. Như thợ tên, làm tên.

34. As fish from watery home 34. Như cá quăng lên bờ, is drawn and cast upon the land, Vất ra ngoài thủy giới; even so flounders this mind Tâm này vùng vẫy mạnh, while Mara's Realm abandoning. Hãy đoạn thế lực Ma.

35. The mind is very hard to check 35. Khó nắm giữ, khinh động, and swift, it falls on what it wants. Theo các dục quay cuồng. The training of the mind is good, Lành thay, điều phục tâm; a mind so tamed brings happiness. Tâm điều, an lạc đến.

36. The mind is very hard to see 36. Tâm khó thấy, tế nhị, and find, it falls on what it wants. Theo các dục quay cuồng. One who's wise should guard the mind, Người trí phòng hộ tâm, a guarded mind brings happiness. Tâm hộ, an lạc đến.

37. Drifting far, straying all alone, 37. Chạy xa, sống một mình, formless, recumbent in a cave. Không thân, ẩn hang sâu [1] They will be free from Mara's bonds Ai điều phục được tâm, who do restrain this mind. Thoát khỏi Ma trói buộc. [2]

38. One of unsteady mind, 38. Ai tâm không an trú, who doesn't know True Dhamma, Không biết chân diệu pháp, who is of wavering confidence Tịnh tín bị rúng động, wisdom fails to win. Trí tuệ không viên thành.

39. One of unflooded mind, 39. Tâm không đầy tràn dục, a mind that is not battered, Tâm không (hận) công phá, abandoning evil, merit too, Đoạn tuyệt mọi thiện ác, no fear for One Awake. Kẻ tỉnh không sợ hãi.

40. Having known this urn-like body, 40. Biết thân như đồ gốm, made firm this mind as fortress town, Trú tâm như thành trì, with wisdom-weapon one fights Mara Chống Ma với gươm trí ; while guarding booty, unattached. Giữ chiến thắng [3] không tham [4]

41. Not long alas, and it will lie 41. Không bao lâu thân này, this body, here upon the earth. Sẽ nằm dài trên đất, Discarded, void of consciousness, Bị vất bỏ, vô thức, useless as a rotten log. Như khúc cây vô dụng.

42. Whatever foe may do to foe, 42. Kẻ thù hại kẻ thù, or haters those they hate Oan gia hại oan gia, the ill-directed mind indeed Không bằng tâm hướng tà, [5] can do one greater harm. Gây ác cho tự thân.

43. What one's mother, what one's 43. Điều mẹ cha bà con, father, Không có thể làm được, whatever other kin may do, Tâm hướng chánh làm được the well directed mind indeed Làm được tốt đẹp hơn. can do greater good.

Chú thích:
[1] Trú xứ của Thức
[2] Dục giới, sắc giới, vô sắc giới
[3] Tức là quán (vipassana) mới chứng được.
[4] Đối với các thiền mới chứng
[5] Hướng về 10 pháp bất thiện như sát sanh v.v.
IV- Pupphavagga Flowers Phẩm Hoa

44. Who will comprehend this earth, 44. Ai chinh phục đất này the world of Yama, and the gods? Dạ ma, Thiên giới này? Who will discern the well-taught Ai khéo giảng Pháp cú, Dhamma Như người [1] khéo hái hoa? as one who's skilled selects a flower?

45. One Trained will comprehend this 45. Hữu học chinh phục đất, earth, Dạ ma, Thiên giới này. the world of Yama, and the gods, Hữu học giảng Pháp cú, One Trained discerns the well-taught Như người khéo hái hoa. Dhamma as one who's skilled selects a flower.

46. Having known this froth-like body 46. Biết thân như bọt nước, and awakening to its mirage nature, Ngộ thân là như huyễn, smashing Mara's flowered shafts Bẻ tên hoa của Ma, unseen beyond the Death-king go. Vượt tầm mắt Thần chết

47. For one who has a clinging mind 47. Người nhặt các loại hoa, and gathers only pleasure-flowers, Ý đắm say, tham nhiễm, Death does seize and carry away Bị Thần chết mang đi, as great flood a sleeping village. Như lụt trôi làng ngủ.

48. For one of desires insatiate 48. Người nhặt các loại hoa, who gathers only pleasure-flowers, Ý đắm say, tham nhiễm, for one who has a clinging mind Các dục chưa thỏa mãn, Death the sovereign overpowers. Đã bị chết chinh phục.

49. Just as a bee in a flower 49. Như ong đến với hoa, harming neither hue nor scent Không hại sắc và hương, gathers nectar, flies away, Che chở hoa, lấy nhụy. so in towns a Wise One fares. Bậc Thánh đi vào làng.

50. Not others' opposition 50. Không nên nhìn lỗi người, nor what they did or failed to do, Người làm hay không làm. but in oneself should be sought Nên nhìn tự chính mình, things done, things left undone. Có làm hay không làm.

51. Just as a gorgeous blossom 51. Như bông hoa tươi đẹp, brilliant but unscented, Có sắc nhưng không hương. so fruitless the well-spoken words Cũng vậy, lời khéo nói, of one who does not act. Không làm, không kết quả.

52. Just as a gorgeous blossom, 52. Như bông hoa tươi đẹp, brilliant and sweet-scented, Có sắc lại thêm hương ; so fruitful the well-spoken words Cũng vậy, lời khéo nói, of one who acts as well. Có làm, có kết quả.

53. As from a mass of flowers 53. Như từ một đống hoa, many a garland may be made, Nhiều tràng hoa được kết. so by one born mortal Cũng vậy, thân sanh tử, should many good deeds be done. Làm được nhiều thiện sự.

54. The fragrance of flowers drifts with 54. Hương các loại hoa thơm the wind [2] as sandalwood, jasmine of lavender. Không ngược bay chiều gió The fragrance of the virtuous sweeps the Nhưng hương người đức hạnh wind, Ngược gió khắp tung bay all pervasive is virtue of the good. Chỉ có bậc chân nhân Tõa khắp mọi phương trời.

55. Sandalwood or lavender, 55. Hoa chiên đàn, già la, lotus or the jasmine great, Hoa sen, hoa vũ quý. of these many fragrances Giữa những hương hoa ấy, virtue's fragrance is supreme. Giới hương là vô thượng.

56. Faint is this fragrance 56. Ít giá trị hương này, of lavender and sandalwood, Hương già la, chiên đàn ; but fragrance of the virtuous Chỉ hương người đức hạnh, soars sublime amongst the gods. Tối thượng tỏa Thiên giới.

57. Of those with perfect virtue 57. Giữa ai có giới hạnh, who dwell in heedfulness, An trú không phóng dật. freed by Final Knowledge: Chánh trí, chơn giải thoát, Mara cannot know their path. Ác ma không thấy đường.

58. As beside the highroad 58. Như giữa đống rác nhớp, where rubbish in a pit is flung Quăng bỏ trên đường lớn, there flourishes the lotus bloom Chỗ ấy hoa sen nở, fragrant and the mind's delight. Thơm sạch, đẹp ý người.

59. So among rubbish-beings, 59. Cũng vậy giữa quần sanh, common humans blind-become, Uế nhiễm, mù, phàm tục, the Perfect Buddha's pupil Đệ tử bậc Chánh Giác, outshines with wisdom bright. Sáng ngời với Tuệ Tri.

Chú thích: [1] Thợ làm vòng hoa [2] Các loại hoa thơm: hương già la, chiên đàn, v.v.

V- Balavagga Fools Phẩm Ngu

60. Long is the night for the sleepless, 60. Đêm dài cho kẻ thức, long is the league for the weary one, Đường dài cho kẻ mệt, samsara's way is long for fools Luân hồi dài, kẻ ngu, who know not the Dhamma True. Không biết chơn diệu pháp.

61. If a wayfarer fails to find 61. Tìm không được bạn đường, one better or equal, Hơn mình hay bằng mình,

steadfast he should fare alone Thà quyết sống một mình, for a fool's no fellowship. Không làm bạn kẻ ngu.

62. "Sons have I, wealth have I", 62. "Con tôi, tài sản tôi", thus the fool is fretful. Người ngu sanh ưu não, He himself is not his own, Tự ta, ta không có, how then are sons, how wealth? Con đâu, tài sản đâu?.

63. Conceiving so his foolishness 63. Người ngu nghĩ mình ngu, the fool is thereby wise, Nhờ vậy thành có trí. while "fool" is called that fool Người ngu tưởng có trí, conceited that he's wise. Thật xứng gọi chí ngu.

64. Though all through life the fool 64. Người ngu, dầu trọn đời, might wait upon the wise, Thân cận người có trí, no more Dhamma can he sense Không biết được Chánh pháp, than spoon the taste of soup. Như muỗng với vị canh.

65. Though briefly one intelligent 65. Người trí, dù một khắc, might wait upon the wise, Thân cận người có trí, quickly Dhamma he can sense Biết ngay chân diệu pháp, as tongue the taste of soup. Như lưỡi với vị canh.

66. Fools of feeble wisdom fare 66. Người ngu si thiếu trí, enemies to themselves, Tự ngã thành kẻ thù. making evil kamma Làm các nghiệp không thiện, which is of bitter fruit. Phải chịu quả đắng cay.

67. That kamma's not well-made 67. Nghiệp làm không chánh from which there is remorse, thiện, of which one senses the result Làm rồi sanh ăn năn, with weeping and a tear-stained face. Mặt nhuốm lệ, khóc than, Lãnh chịu quả dị thục.

68. But well-made is that kamma 68. Và nghiệp làm chánh thiện, which done brings no remorse, Làm rồi không ăn năn, of which one senses the result Hoan hỷ, ý đẹp lòng, with glad mind and with joy. Hưởng thọ quả dị thục.

69. When evil kamma's immature 69. Người ngu nghĩ là ngọt, the fool thinks it is honeyed, Khi ác chưa chín muồi; but when the evil has matured Ác nghiệp chín muồi rồi, then to the fool comes dukkha. Người ngu chịu khổ đau.

70. Month after month with blady-grass 70. Tháng tháng với ngọn cỏ, tip Người ngu có ăn uống [1] the fool may take his food; Không bằng phần mười sáu, he's not worth the slightest bit Người hiểu pháp hữu vi. of one who Dhamma knows.

71. As milk, is evil kamma done, 71. Nghiệp ác đã được làm, so slowly does it sour. Như sữa, không đông ngay, Smouldering does it follow the fool Cháy ngầm theo kẻ ngu, like fire with ashes covered. Như lửa tro che đậy.

72. Truly to his detriment 72. Tự nó chịu bất hạnh, skill is born to the fool; Khi danh đến kẻ ngu.

ruined is his better nature Vận may bị tổn hại, and scattered are his wits. Đầu nó bị nát tan.

73. For position a fool may wish: 73. Ưa danh không tương xứng, among the bhikkhus precedence, Muốn ngồi trước tỷ kheo, in monasteries authority, ưa quyền tại tịnh xá, from other families honours. Muốn mọi người lễ kính.

74. Both monks and laymen, let them 74. "Mong cả hai tăng, tục, think Nghĩ rằng (chính ta làm). "This was done by me, Trong mọi việc lớn nhỏ, whatever the works, both great and Phải theo mệnh lệnh ta" small, Người ngu nghĩ như vậy let them depend on me". Dục và mạn tăng trưởng. Such the intention of a fool, swollen his greed and conceit.

75. One is the way to worldly gain, 75. Khác thay duyên thế lợi, another to Nibbana goes. Khác thay đường Niết Bàn. Clearly comprehending this Tỷ kheo, đệ tử Phật, the bhikkhu, Buddha's follower Hãy như vậy thắng tri. should wallow not in proffered gifts, Chớ ưa thích cung kính, surrendering instead to solitude. Hãy tu hạnh viễn ly.

Chú thích: [1] Hành trì khổ hạnh của người ngoại đạo không bằng 1/16 người hiểu pháp hữu vi.

VI- Panditavagga The Wise Phẩm Hiền Trí

76. Should one a man of wisdom meet 76. Nếu thấy bậc hiền trí, who points out faults and gives reproof, Chỉ lỗi và khiển trách, who lays a hidden treasure bare, Như chỉ chỗ chôn vàng, with such a sage should one consort. Hãy thân cận người trí ! Consorting so is one enriched Thân cận người như vậy, and never in decline. Chỉ tốt hơn, không xấu.

77. Let him exhort, let him instruct, 77. Những người hay khuyên and check one from abasement. dạy, Dear indeed is he to the true, Ngăn người khác làm ác, not dear is he to the false. Được người hiền kính yêu, Bị người ác không thích.

78. Don't go around with evil friends, 78. Chớ thân với bạn ác, with rogues do not resort. Chớ thân kẻ tiểu nhân. Spend your time with noble friends, Hãy thân người bạn lành, and worthy ones consort. Hãy thân bậc thượng nhân.

79. Happy is he who Dhamma drinks 79. Pháp hỷ đem an lạc, with heart that's clear and cool. Với tâm tư thuần tịnh;

One so wise e'er delights Người trí thường hoan hỷ, in Dhamma declared by the Noble. Với pháp bậc Thánh thuyết.

80. Irrigators govern waters, 80. Người trị thủy dẫn nước, fletchers fashion shafts, Kẻ làm tên nắn tên, as joiners shape their timber Người thợ mộc uốn gỗ, those who are wise tame themselves. Bậc trí nhiếp tự thân.

81. Just as a mighty boulder 81. Như đá tảng kiên cố, stirs not with the wind, Không gió nào lay động, so the wise are never moved Cũng vậy, giữa khen chê, either by praise or blame. Người trí không giao động.

82. Even as a fathomless lake, 82. Như hồ nước sâu thẳm, a lake so calm and clear, Trong sáng, không khuấy đục, so dhammas having heard Cũng vậy, nghe chánh pháp, serene the wise become. Người trí hưởng tịnh lạc.

83. Everything the good renounce, 83. Người hiền bỏ tất cả, [1] the peaceful chatter not of fond delights, Người lành không bàn dục, and whether touched by pleasure or Dầu cảm thọ lạc khổ, pain Bậc trí không vui buồn. nor joy or woe in the wise is seen.

84. Neither for one's own, nor for 84. Không vì mình, vì người. another's sake Không cầu được con cái, one should wish for children, wealth Không tài sản quốc độ, and estate, Không cầu mình thành tựu, nor success desire by means unjust, Với việc làm phi pháp. thus virtuous, and wise, righteous one Vị ấy thật trì giới, would be. Có trí tuệ, đúng pháp.

85. Among folk they are few 85. Ít người giữa nhân loại, who go to the Further Shore, Đến được bờ bên kia. most among humanity Còn số người còn lại, scurry on this hither shore. Xuôi ngược chạy bờ này.

86. But they who practise Dhamma 86. Những ai hành trì pháp, according to Dhamma well-told, Theo chánh pháp khéo dạy, from Death's Domain hard to leave Sẽ đến bờ bên kia, they'll cross to the Further Shore. Vượt ma lực khó thoát.

87. Abandoning the Dhammas dark 87. Kẻ trí bỏ pháp đen, the wise should cultivate the bright, Tu tập theo pháp trắng. having from home to homeless gone Bỏ nhà, sống không nhà, in solitude unsettling. Sống viễn ly khó lạc.

88. Let them desire that rare delight 88. Hãy cầu vui Niết Bàn, renouncing pleasures, owing nought, Bỏ dục, không sở hữu, those wise ones should cleanse Kẻ trí tự rửa sạch, themselves Cấu uế từ nội tâm. from all defilements of the mind.

89. Those who come to Wakening 89. Những ai với chánh tâm, with mind full-cultivated, Khéo tu tập giác chi, delight, no longer clinging, Từ bỏ mọi ái nhiễm, in relinquishing attachment: Hoan hỷ không chấp thủ.

they, without pollution, radiant, Không lậu hoặc, sáng chói, in this world have reached Nibbana. Sống tịch tịnh ở đời.

Chú thích: [1] Bỏ các dục

VII- Arahantavagga The saints Phẩm A La Hán

90. With journey finished and 90. Đích đã đến, không sầu, sorrowless, Giải thoát ngoài tất cả, from everything completely free, Đoạn trừ mọi buộc ràng, for one who has loosened all the ties Vị ấy không nhiệt não. passion’s fever is not found.

91. Mindful Ones exert themselves, 91. Tự sách tấn chánh niệm, in no abode do they delight, Không thích cư xá nào, as swans abandoning their lake Như ngỗng trời rời ao, home after home they leave behind. Bỏ sau mọi trú ẩn.

92. For those who don't accumulate, 92. Tài sản không chất chứa, who well reflect upon their food, Ăn uống biết liễu trì, they have as range the nameless and Tự tại trong hành xứ, the void of perfect freedom too. Không vô tướng, giải thoát, As birds that wing through space, Như chim giữa hư không, hard to trace their going. Hướng chúng đi khó tìm.

93. For whom pollutions are destroyed, 93. Ai lậu hoặc đoạn sạch, not attached to any food, Ăn uống không tham đắm, he has as range the nameless and Tự tại trong hành xứ, the void of perfect freedom too. Không, vô tướng, giải thoát. As birds that wing through space, Như chim giữa hư không, hard to trace his going. Dấu chân thật khó tìm.

94. Whose faculties are pacified 94. Ai nhiếp phục các căn, as steeds by charioteers well-tamed, Như đánh xe điều ngự, with pride abandoned, unpolluted, Mạn trừ, lậu hoặc dứt, to even devas this One's dear. Người vậy, Chư Thiên mến.

95. Like earth is one who's well- 95. Như đất không hiềm hận, behaved, Như cột trụ kiên trì, secure and not resentful, Như hồ, không bùn nhơ, as city-post, as filth-free lake, Không luân hồi, vị ấy. no wanderings-on for One Who's Thus.

96. Peaceful his mind and peaceful 96. Người tâm ý an tịnh, his speech and actions too, Lời an, nghiệp cũng an, perfect in knowledge of freedom, Chánh trí, chơn giải thoát, One Thus is of utmost peace. Tịnh lạc là vị ấy.

97. With no beliefs, the Unmade known, 97. Không tin [1], hiểu Vô vi. with fetters finally severed, Người cắt mọi hệ lụy, with kammas cut and craving shed, Cơ hội tận, xả ly attained to humanity's heights. Vị ấy thật tối thượng.

98. Whether in town or woods, 98. Làng mạc hay rừng núi whether in vale, on hill, Thung lũng hay đồi cao, wherever dwell the Arahants La Hán trú chỗ nào, so pleasing there the earth. Đất ấy thật khả ái.

99. Delightful are the forests 99. Khả ái thay núi rừng, where folk do not delight, Chỗ người phàm không ưa, there the Passionless delight, Vị ly tham ưa thích, they're not pleasure-seekers. Vì không tìm dục lạc.

Chú thích: [1] Vị A La Hán tự chứng biết, không tin ai làm cho giác ngộ.

VIII- Sahassavagga Thousands Phẩm Ngàn

100. Though a thousand speeches be 100. Dầu nói ngàn ngàn lời, composed of meaningless lines, Nhưng không gì lợi ích, better the single meaningful line Tốt hơn một câu nghĩa, one hears, then comes to calm. Nghe xong, được tịnh lạc.

101. Though a thousand verses be 101. Dầu nói ngàn câu kệ composed of meaningless lines, Nhưng không gì lợi ích, better the single line of verse Tốt hơn nói một câu, one hears, then comes to calm. Nghe xong, được tịnh lạc.

102. Though a hundred verses chant 102. Dầu nói trăm câu kệ composed of meaningless lines, Nhưng không gì lợi ích better the single Dhamma line Tốt hơn một

câu Pháp, one hears, then comes to calm. Nghe xong, được tịnh lạc.

103. Though thousand times a thousand 103. Dầu tại bãi chiến trường men Thắng ngàn ngàn quân địch, in battle one may conquer, Tự thắng mình tốt hơn, yet should one conquer just oneself Thật chiến thắng tối thượng. one is the greatest conqueror.

104. Greater the conquest of oneself 104. Tự thắng , tốt đẹp hơn, than subjugating others, Hơn chiến thắng người khác. that one who's always well-restrained, Người khéo điều phục mình, that one who's tamed of self . Thường sống tự chế ngự.

105. Neither deva nor minstrel divine, 105. Dầu Thiên Thần, Thát Bà, nor Mara together with Brahma, Dầu Ma Vương, Phạm Thiên can overthrow the victory Không ai chiến thắng nổi, of such a one as this. Người tự thắng như vậy.

106. Month by month for a hundred 106. Tháng tháng bỏ ngàn vàng, years Tế tự cả trăm năm, a thousand one might sacrifice, Chẳng bằng trong giây lát, but if for only a moment one Cúng dường bậc tự tu. might honour the self-developed, Cúng dường vậy tốt hơn, Hơn trăm năm tế tự.

such honour then were better by far than a century of sacrifice.

107. One might tend for a hundred 107. Dầu trải một trăm năm, years Thờ lửa tại rừng sâu, the forest's sacred fire, Chẳng bằng trong giây lát, but if for only a moment one Cúng dường bậc tự tu. might honour the self-developed, Cúng dường vậy tốt hơn, such honour then were better by far Hơn trăm năm tế tự. than a century of sacrifice.

108. Whatever one who merit seeks 108. Suốt năm cúng tế vật, should for a year make sacrifice, Để cầu phước ở đời. all comes not to a quarter part Không bằng một phần tư of honouring the Noble. Kính lễ bậc chánh trực.

109. For one of respectful nature 109. Thường tôn trọng, kính lễ who ever the elders honours, Bậc kỳ lão trưởng thượng, long life and beauty, joy and strength, Bốn pháp được tăng trưởng : these qualities increase. Thọ, sắc, lạc, sức mạnh.

110. Though one should live a hundred 110. Dầu sống một trăm năm, years Ác giới, không thiền định, foolish, uncontrolled, Tốt hơn sống một ngày, yet better is life for a single day Trì giới, tu thiền định. moral and meditative.

111. Though one should live a hundred 111. Ai sống một trăm năm, years Ác tuệ, không thiền định. foolish, uncontrolled, Tốt hơn sống một ngày, yet better is life for a single day Có tuệ, tu thiền định. wise and meditative.

112. Though one should live a hundred 112. Ai sống một trăm năm, years Lười nhác không tin tấn, lazy, of little effort, Tốt hơn sống một ngày yet better is life for a single day Tinh tấn tận sức mình. strongly making effort.

113. Though one should live a hundred 113. Ai sống một trăm năm, years Không thấy pháp sinh diệt, not seeing rise and fall, Tốt hơn sống một ngày, yet better is life for a single day Thấy được pháp sinh diệt. seeing rise and fall.

114. Though one should live a hundred 114. Ai sống một trăm năm, years Không thấy câu bất tử, not seeing the Deathless State, Tốt hơn sống một ngày, yet better is life for a single day Thấy được câu bất tử. seeing Deathlessness.

115. Though one should live a hundred 115. Ai sống một trăm năm, years Không thấy Pháp Tối thượng, not seeing Dhamma Supreme, Tốt hơn sống một ngày, yet better is life for a single day Thấy được Pháp Tối thượng. seeing Dhamma Supreme.

IX- Papavagga Evil Phẩm Ác

116. Make haste towards the good 116. Hãy gấp làm điều lành, and check the mind from evil. Ngăn tâm làm điều ác. The one who's is slow in making merit Ai chậm làm việc lành, delights in the mind in evil. Ý ưa thích việc ác.

117. If one should some evil do 117. Nếu người làm điều ác, then do it not again and again. Chớ tiếp tục làm thêm. Do not wish for it anew Chớ ước muốn điều ác, for evil grows to dukkha. Chứa ác, tất chịu khổ.

118. If one should some merit make 118. Nếu người làm điều thiện, do it again and again. Nên tiếp tục làm thêm. One should wish for it anew Hãy ước muốn điều thiện, for merit grows to joy. Chứa thiện, được an lạc.

119. As long as evil ripens not 119. Người ác thấy là hiền. even the evil one goodness knows, Khi ác chưa chín muồi, but when the evil ripens Khi ác nghiệp chín muồi, then that person evil knows. Người ác mới thấy ác.

120. As long as goodness ripens not 120. Người hiền thấy là ác, even the good one evil knows, Khi thiện chưa chín muồi, but when the goodness ripens Khi thiện nghiệp chín muồi, then that person knows the good. Người hiền thấy là thiện.

121. Think lightly not of evil, 121. Chớ chê khinh điều ác, "It will not come to me", Cho rằng "chưa đến mình", for by the falling of water drops Như nước nhỏ từng giọt, a water jar is filled. Rồi bình cũng đầy tràn. The fool with evil fills himself, Người ngu chứa đầy ác he soaks up little by little. Do chất chứa dần dần.

122. Think lightly not of goodness, 122. Chớ chê khinh điều thiện "It will not come to me", Cho rằng "chưa đến mình", for by the falling of water drops Như nước nhỏ từng giọt, a water jar is filled. Rồi bình cũng đầy tràn. The sage with goodness fills himself, Người trí chứa đầy thiện, he soaks up little by little. Do chất chứa dần dần.

123. As merchant on a perilous path, 123. Ít bạn đường, nhiều tiền, great wealth having little guard, Người buôn tránh đường hiểm. as life-loving man with poison Muốn sống, tránh thuốc độc, so with evil heedful be. Hãy tránh ác như vậy.

124. If in the hand's no wound 124. Bàn tay không thương tích, poison one may bear. Có thể cầm thuốc độc.

A woundless one is poisoned not, Không thương tích, tránh độc, non-doers have no evil. Không làm, không có ác.

125. Who offends the inoffensive, 125. Hại người không ác tâm, the innocent and blameless one, Người thanh tịnh, không uế, upon that fool does evil fall Tội ác đến kẻ ngu, as fine dust flung against the wind. Như ngược gió tung bụi.

126. Some find birth within a womb, 126. Một số sinh bào thai, evil-doer quicken in hell, Kẻ ác sinh địa ngục, good-farers to the heavens go, Người thiện lên cõi trời, the Unpolluted wholly cool. Vô lậu chứng Niết Bàn.

127. Neither in sky nor surrounding by 127. Không trên trời, giữa biển, sea, Không lánh vào động núi, nor by dwelling in a mountain cave, Không chỗ nào trên đời, nowhere is found that place in earth Trốn được quả ác nghiệp. where one's from evil kamma free.

128. Neither in sky nor surrounding by 128. Không trên trời, giữa biển, sea, Không lánh vào động núi, nor by dwelling in a mountain cave, Không chỗ nào trên đời, nowhere is found that place in earth Trốn khỏi tay Thần Chết. where one's by Death not overcome.

X- Dandavagga Punishment Phẩm Hình Phạt

129. All tremble at force, 129. Mọi người sợ hình phạt, of death are all afraid. Mọi người sợ tử vong. Likening others to oneself Lấy mình làm ví dụ kill not nor cause to kill. Không giết, không bảo giết.

130. All tremble at force, 130. Mọi người sợ hình phạt, dear is life to all. Mọi người thương sống còn; Likening others to oneself Lấy mình làm ví dụ, kill not nor cause to kill. Không giết, không bảo giết.

131. Whoever harms with force 131. Chúng sanh cầu an lạc, those desiring happiness, Ai dùng trượng hại người, as seeker after happiness Để tìm lạc cho mình, one gains no future joy. Đời sau không được lạc.

132. Whoever doesn't harm with force 132. Chúng sanh cầu an lạc, those desiring happiness, Không dùng trượng hại người, as seeker after happiness Để tìm lạc cho mình, one then gains future joy. Đời sau hưởng được lạc.

133. Speak not harshly to other folk, 133. Chớ nói lời ác độc, speaking so, they may retort. Nói ác, bị nói lại, Dukkha indeed is quarrelsome speech Khổ thay lời phẩn nộ, and force for force may hurt you. Đao trượng phản chạm người.

134. If like a broken gong 134. Nếu tự mình yên lặng, never you reverberate, Như chiếc chuông bị bể. quarreling's not part of you, Người đã chứng Niết Bàn that Nibbana's reached. Người không còn phẩn nộ.

135. As with force the cowherds drive 135. Với gậy người chăn bò, their cattle out to graze, Lùa bò ra bãi cỏ; like this decay and death drive out Cũng vậy, già và chết, the life from all beings. Lùa người đến mạng chung.

136. When the fool does evil deeds 136. Người ngu làm điều ác, their end he does not know, Không ý thức việc làm. such kamma burns the one unwise Do tự nghiệp, người ngu as one who's scorched by fire. Bị nung nấu, như lửa.

137. Whoever forces the forceless 137. Dùng trượng phạt không or offends the inoffensive, trượng speedily comes indeed Làm ác người không ác. to one of these ten states: Trong mười loại khổ đau, Chịu gấp một loại khổ:

138. Sharp pain or deprivation, 138. Hoặc khổ thọ khốc liệt, or injury to the body, Thân thể bị thương vong, or to a serious disease, Hoặc thọ bệnh kịch liệt, derangement of the mind; Hay loạn ý tán tâm.

139. Troubled by the government, 139. Hoặc tai vạ từ vua, or else false accusation, Hay bị vu trọng tội; or by loss of relatives, Bà con phải ly tán, destruction of one's wealth; Tài sản bị nát tan.

140. Or one's houses burn 140. Hoặc phòng ốc nhà cửa on raging conflagration, Bị hỏa tai thiêu đốt; at the body's end, in hell Khi thân hoại mạng chung, arises that unwise one. Ác tuệ sanh địa ngục.

141. Not going naked, nor matted hair, nor 141. Không phải sống lõa thể filth, Bện tóc, tro trét mình, nor fasting, not sleeping on bare earth, Tuyệt thực, lăn trên đất, no penance on heels, nor sweat nor grime Sống nhớp, siêng ngồi xổm, can purify a mortal still overcome by Làm con người được sạch, doubt. Nếu không trừ nghi hoặc.

142. Even though adorned, if living in 142. Ai sống tự trang sức, peace Nhưng an tịnh, nhiếp phục, calm, tamed, established in the holy life, Sống kiên trì, phạm hạnh, for beings all laying force aside: Không hại mọi sinh linh. one pure, one peaceful, a bhikkhu is he. Vị ấy là phạm chí, Hay sa môn, khất sĩ.

143. Where in the world is found 143. Thật khó tìm ở đời, one restrained by shame, Người biết thẹn, tự chế, awakened out of sleep Biết tránh né chỉ trích as splendid horse with whip? Như ngựa hiền tránh roi.

144. As splendid horse touched with whip, 144. Như ngựa hiền chạm roi, be ardent, deeply moved, Hãy nhiệt tâm, hăng hái,

by faith and virtue, effort too, Với tín, giới, tinh tấn, by meditation, Dhamma's search, Thiền định cùng trạch pháp. by knowledge, kindness, mindfulness; Minh hạnh đủ, chánh niệm, abandon dukkha limitless! Đoạn khổ này vô lượng.

145. Irrigators govern water, 145. Người trị thủy dẫn nước, fletchers fashion shafts, Kẻ làm tên nắn tên, as joiners shape their timber Người thợ mộc uốn ván, those of good conduct tame themselves. Bậc tự điều, điều thân.

XI- Jaravagga Old Age Phẩm Già

146. Why this laughter, why this 146. Cười gì, hân hoan gì, joy, Khi đời mãi bị thiêu? when it's ever blazing? Bị tối tăm bao trùm, Shrouded all about by gloom Sao không tìm ngọn đèn? won't you look for the light?

147. See this body beautiful 147. Hãy xem bong bóng đẹp, a mass of sores, a congeries, Chỗ chất chứa vết thương, much considered but miserable Bệnh hoạn nhiều suy tư, where nothing's stable, nothing Thật không gì trường cửu. persists.

148. All decrepit is this body, 148. Sắc này bị suy già, diseases' nest and frail; Ổ tật bệnh, mỏng manh, this foul mass is broken up Nhóm bất tịnh đổ vỡ, for life does end in death. Chết chấm dứt mạng sống.

149. These dove-hued bones 149. Như trái bầu mùa thu, scattered in Fall, Bị vất bỏ quăng đi, like long white gourds, Nhóm xương trắng bồ câu, what joy in seeing them? Thấy chúng còn vui gì?

150. This city's made of bones 150. Thành này làm bằng xương, plastered with flesh and blood, Quét tô bằng thịt máu, within are stored decay and Ở đây già và chết, death, Mạn, lừa đảo chất chứa. besmearing and conceit.

151. Even rich royal chariots 151. Xe vua đẹp cũng già, rot, Thân này rồi sẽ già. the body too does rot, decay, Pháp bậc thiện, không già. but undecaying's Dhamma of the Như vậy bậc chí thiện Good; Nói lên cho bậc thiện. who to the good declare.

152. Just as the ox grows old 152. Người ít nghe kém học, so this man of little learning: Lớn già như trâu đực. his fleshiness increases, Thịt nó tuy lớn lên, his wisdom doesn't grow. Nhưng tuệ không tăng trưởng.

153. Through many of samsara's 153. Lang thang bao kiếp sống births Ta tìm nhưng chẳng gặp, I hasten seeking, finding not Người xây dựng nhà này, the builder of this house: Khổ thay, phải tái sanh. pain is birth again, again.

154. O Builder of this house, 154. Ôi! Người làm nhà kia [1] you're seen! Nay ta đã thấy ngươi! you shall not build a house Người không làm nhà nữa. again; Đòn tay [2] ngươi bị gẫy, all you beams have given away, Kèo cột [3] ngươi bị tan rafters of the ridge decayed, Tâm ta đạt tịch diệt, mind to the Unconditioned gone, Tham ái thảy tiêu vong. exhaustion of craving has it reached.

155. Who have not led the holy 155. Lúc trẻ, không phạm hạnh, life Không tìm kiếm bạc tiền. nor riches won while young, Như cò già bên ao, they linger on as aged cranes Ủ rũ, không tôm cá. around a fished-out pond.

156. Who have not led the holy 156. Lúc trẻ, không phạm hạnh, life Không tìm kiếm bạc tiền. nor riches won while young, Như cây cung bị gẫy, they languish on, worn-out Thở than những ngày qua bows, sighing for the past.

Chú thích:
[1] Ái
[2] Thân
[3] Phiền não.

XII- Attavagga Self Phẩm Tự Ngã

157. If one holds oneself as dear, 157. Nếu biết yêu tự ngã, protected, one protects oneself. Phải khéo bảo vệ mình, One who's wise should be aware Người trí trong ba canh, through all the watches three. Phải luôn tỉnh thức.

158. One should first establish 158. Trước hết tự đặt mình, oneself in what is proper. Vào những gì thích đáng. One may then teach others, Sau mới giáo hóa người, and wise, one is not blamed. Người trí khỏi bị nhiễm.

159. As one teaches others 159. Hãy tự làm cho mình, so should one do oneself. Như điều mình dạy người. Well-tamed, on may tame others, Khéo tự điều, điều người, oneself to tame is hard. Khó thay tự điều phục !

160. Oneself is refuge of oneself, 160. Tự mình y chỉ mình, who else indeed could refuge be? Nào có y chỉ khác. By good training of oneself Nhờ khéo điều phục mình, one gains a refuge hard to gain. Được y chỉ khó được.

161. By oneself is evil done, 161. Điều ác mình tự làm, it's born of self and self-produced. Tự mình sanh, mình tạo. Evil grinds the unwise one Nghiền nát kẻ ngu si, as diamond does the hardest gem. như kim cương, ngọc báu.

162. He whose conduct's very bad 162. Phá giới quá trầm trọng, like oak-tree choked with ivy, Như dây leo bám cây so he does towards himself Gieo hại cho tự thân, what enemies would wish. Như kẻ thù mong ước.

163. Easy is what's bad to do, 163. Dễ làm các điều ác, what's harmful to oneself. Dễ làm tự hại mình. But what is good, of benefit, Còn việc lành, việc tốt, is very hard to do. Thật tối thượng khó làm.

164. Whatever man unwise relies 164. Kẻ ngu si miệt thị, on evil views and so condemns Giáo pháp bậc La Hán, the Teaching of the Arahants, Bậc Thánh, bậc chánh mạng. or Noble Ones who Dhamma live, Chính do ác kiến này, he, as a bamboo fruiting, Như quả loại cây lau [1] fruits to self-destruction. Mang quả tự hoại diệt.

165. By oneself is evil done, 165. Tự mình, điều ác làm by oneself defiled, Tự mình làm nhiễm ô, by oneself it's left undone, Tự mình, ác không làm, by self alone one purified. Tự mình làm thanh tịnh. Purity, impurity on oneself depend, Tịnh, không tịnh tự mình, no one can purify another. Không ai thanh tịnh ai!

166. Let none neglect their good 166. Dầu lợi người bao nhiêu, for others' good however great. Chớ quên phần tư lợi, Know well oneself's own good Nhờ thắng trí tư lợi. and to that good attend. Hãy chuyên tâm lợi mình.

Chú thích: [1] Katthaka

XIII- Lokavagga World Phẩm Thế Gian

167. Do not follow base desires, 167. Chớ theo pháp hạ liệt. nor live with heedlessness, Chớ sống mặc, buông lung; do not follow wrong beliefs Chớ tin theo tà kiến, to grow in worldly ways. Chớ tăng trưởng tục trần.

168. Rouse yourself, be diligent, 168. Nỗ lực, chớ phóng dật! in Dhamma faring well. Hãy sống theo chánh hạnh; Who dwells in Dhamma's happy Người chánh hạnh hưởng lạc, in this birth and the next. Cả đời này, đời sau.

169. Fare in Dhamma coursing well, 169. Hãy khéo sống chánh hạnh, in evil courses do not fare. Chớ sống theo tà hạnh! Who dwells in Dhamma's happy Người chánh hạnh hưởng lạc, in this birth and the next. Cả đời này, đời sau.

170. Just as a bubble may be seen, 170. Hãy nhìn như bọt nước, just as a faint mirage, Hãy nhìn như cảnh huyển! so should the world be viewed Quán nhìn đời như vậy, that the Death-king sees one not. Thần chết không bắt gặp.

171. Come, look upon this world 171. Hãy đến nhìn đời này, like to a rich, royal chariot Như xe vua lộng lẫy, wherein fools lounge at ease Người ngu mới tham đắm, but alert ones linger not. Kẻ trí nào đắm say.

172. Whoso was heedless formerly 172. Ai sống trước buông lung, but later lives with heedfulness Sau sống không phóng dật, illuminates all this world Chói sáng rực đời này. as moon when free of clouds. Như trăng thoát mây che.

173. Who by wholesome kamma 173. Ai dùng các hạnh lành, covers up the evil done Làm xóa mờ nghiệp ác, illumines all this world Chói sáng rực đời này, as moon when free from clouds. Như trăng thoát mây che.

174. This world is blind-become 174. Đời này thật mù quáng, few are here who see within Ít kẻ thấy rõ ràng. as few the birds break free from net Như chim thoát khỏi lưới, so those who go to heavens. Rất ít đi thiên giới.

175. Swans upon the sun's path fly, 175. Như chim thiên nga bay, the powerful through space, Thần thông liệng giữa trời; conquering Mara and his host Chiến thắng ma, ma quân, away from the world the wise are led. Kẻ trí thoát đời này.

176. For one who falsely speaks, 176. Ai vi phạm một pháp, who disregards the Dhamma, Ai nói lời vọng ngữ, who other lives denies: Ai bác bỏ đời sau, no evil this one will not do. Không ác nào không làm.

177. To heavenly realms the mean don't 177. Keo kiết không sanh thiên, fare, Kẻ ngu ghét bố thí, fools magnanimity ne'er acclaim, Người trí thích bố thí, but the one of wisdom rejoices at giving Đời sau, được hưởng lạc. and happy will be in future lives.

178. Than o'er the earth sole sovereignty, 178. Hơn thống lãnh cõi đất, than going unto heaven, Hơn được sanh cõi trời, than lordship over all the worlds: Hơn chủ trì vũ trụ, better the Steam-winner's Fruit. Quả Dự Lưu tối thắng.

XIV- Buddhavagga The Buddha Phẩm Phật Đà

179. That Buddha traceless of infinite 179. Vị chiến thắng không bại, range Vị bước đi trên đời, whose victory none may e'er undo, Không dấu tích chiến thắng, whose vanquished follow to no world, Phật giới rộng mênh mông, then by which track will you trace him? Ai dùng chân theo dõi Bậc không để dấu tích?

180. That Buddha traceless of infinite 180. Ai giải tỏa lưới tham, range Ái phược hết dắt dẫn, in whom's no entangling craving Phật giới rộng mênh mông, and no ensnaring not anywhere leading, Ai dùng chân theo dõi then by which track will you trace him?

Bậc không để dấu tích?

181. E'er intent on concentration, 181. Người trí chuyên thiền định, joyful in peace of letting go, Thích an tịnh viễn ly, mindful, wise, the perfect Buddhas, Chư thiên đều ái kính, to even devas they are dear. Bậc chánh giác, chánh niệm.

182. Human birth is hard to gain, 182. Khó thay, được làm người, hard for mortals is their life, Khó thay, được sống còn, to come to Dhamma True is hard, Khó thay, nghe Diệu Pháp, rare the Buddhas' arising. Khó thay, Phật ra đời!

183. Every evil never doing 183. Không làm mọi điều ác. and in wholesomeness increasing Thành tựu các hạnh lành, and one's heart well-purifying: Tâm ý giữ trong sạch, this is the Buddhas' Teaching. Chính lời chư Phật dạy.

184. Patience's the austerity supreme, 184. Chư Phật thường giảng dạy; "Nibbana's supreme" the Buddhas say. Nhẫn, khổ hạnh tối thượng; One who irks or others harms Niết bàn quả tối thượng; is not ordained or monk become. Xuất gia không phá người; Sa môn không hại người.

185. Not reviling, neither harming, 185. Không phỉ báng, phá hoại, well-restrained in Patimokha, Hộ trì giới căn bản, knowing reason in one's food, Ăn uống có tiết độ, dwelling far in solitude, Sàng tọa chỗ nhàn tịnh and striving in the mind sublime: Chuyên chú tăng thượng tâm, this is the Buddhas' Teaching. Chính lời chư Phật dạy.

186. Not by rain of golden coins 186. Dầu mưa bằng tiền vàng, is found desires' satiety, Các dục khó thỏa mãn. desires are dukkha, of little joy, Dục đắng nhiều ngọt ít, thus a wise one understands. Biết vậy là bậc trí.

187. Even with pleasures heavenly 187. Đệ tử bậc chánh giác, that one finds no delight, Không tìm cầu dục lạc, the perfect Buddha's pupil Dầu là dục chư thiên, delights in craving's end. Chỉ ưa thích ái diệt.

188. Many a refuge do they seek 188. Loài người sợ hoảng hốt, on hills, in woods, to sacred trees, Tìm nhiều chỗ quy y, to monasteries and shrines they go; Hoặc rừng rậm, núi non, folk by fear tormented. Hoặc vườn cây, đền tháp.

189. Such refuge isn't secure, 189. Quy y ấy không ổn, such refuge isn't supreme. Không quy y tối thượng. From all dukkha one's not free Quy y các chỗ ấy, unto that refuge gone. Không thoát mọi khổ đau?

190. But going for refuge to Buddha, 190. Ai quy y Đức Phật, to Dhamma and the Sangha too, Chánh Pháp và chư Tăng, one sees with perfect wisdom Ai dùng chánh tri kiến, the tetrad of the Noble Truths: Thấy được bốn Thánh đế.

191. Dukkha, its causal arising, 191. Thấy khổ và khổ tập, the overcoming of dukkha, Thấy sự khổ vượt qua, and the Eight-fold Path that's Noble Thấy đường Thánh tám ngành, leading to dukkha's allaying. Đưa đến khổ não tận.

192. Such refuge is secure, 192. Thật quy y an ổn, such refuge is supreme. Thật quy y tối thượng, From all dukkha one is free Có quy y như vậy, unto that refuge gone. Mới thoát

mọi khổ đau.

193. Hard to find the pure and noble 193. Khó gặp bậc thánh nhơn, who isn't born just anywhere, Không phải đâu cũng có. wherever one so wise is born Chỗ nào bậc trí sanh, that family thrives happily. Gia đình tất an lạc.

194. Blessed is the birth of Buddhas, 194. Vui thay, Phật ra đời! blest True Dhamma's Teaching, Vui thay, Pháp được giảng! blest the Sangha's harmony Vui thay, Tăng hòa hợp! and blessed is their striving. Hòa hợp tu, vui thay!

195. Who venerates the venerable 195. Cúng dường bậc đáng cúng, Buddhas or their disciples, Chư Phật hoặc đệ tử, have overcome the manifold, Các bậc vượt hý luận, grief and lamentation left. Đoạn diệt mọi sầu bi.

196. They who are "Thus", venerable, 196. Cúng dường bậc như vậy, cool and free from every fear - Tịch tịnh, không sợ hãi, no one is able to calculate Các công đức như vậy, their merit as "just-so-much". Không ai ước lường được.

XV- Sukhavagga Happiness Phẩm An Lạc

197. We the unhating live 197. Vui thay, chúng ta sống, happily midst the haters, Không hận, giữa hận thù! among the hating humans Giữa những người thù hận, from hatred dwell we free. Ta sống, không hận thù!

198. We who are healthy live 198. Vui thay, chúng ta sống, happily midst the unhealthy, Không bệnh giữa ốm đau! among unhealthy humans Giữa những người bệnh hoạn, from ill-health dwell we free. Ta sống, không ốm đau.

199. We the unfrenzied live 199. Vui thay, chúng ta sống, happily midst the frenzied, Không rộn giữa rộn ràng;

among the frenzied humans Giữa những người rộn ràng, from frenzy dwell we free. Ta sống, không rộn ràng.

200. We for whom there's nought 200. Vui thay chúng ta sống, live indeed so happily, Không gì, gọi của ta. joy-sustained we'll be Ta sẻ hưởng hỷ lạc, like resplendent gods. Như chư thiên Quang Âm.

201. Victory gives rise to hate, 201. Chiến thắng sinh thù oán, those defeated lie in pain, Thất bại chịu khổ đau, happily rest the Peaceful Sống tịch tịnh an lạc. surrendering victory-defeat. Bỏ sau mọi thắng bại.

202. There's no fire like lust, 202. Lửa nào sánh lửa tham ? no evil like aversion, Ác nào bằng sân hận ? no dukkha like the aggregates, Khổ nào sánh khổ uẩn, no higher bliss than Peace. Lạc nào bằng tịnh lạc.

203. Hunger is the greatest ill, 203. Đói ăn, bệnh tối thượng, the greatest dukkha - conditionedness, Các hành, khổ tối thượng, knowing this reality at it is: Hiểu như thực là vậy, Nibbana bliss supreme. Niết bàn, lạc tối thượng.

204. Health's the greatest gain, 204. Không bệnh, lợi tối thượng, contentment, best of wealth, Biết đủ, tiền tối thượng. trusting's best of kin, Thành tín đối với nhau, Nibbana bliss supreme. Là bà con tối thượng, Niết bàn, lạc tối thượng.

205. Having drunk of solitude 205. Đã nếm vị độc cư, and tasted Peace Sublime, Được hưởng vị nhàn tịnh, free from sorrow, evil-free, Không sợ hãi, không ác, one drinks of Dhamma's joy. Nếm được vị pháp hỷ.

206. So fair's the sight of Noble Ones, 206. Lành thay, thấy thánh nhân, ever good their company, Sống chung thường hưởng lạc. by relating not to fools Không thấy những người ngu, ever happy one may be. Thường thường được an lạc.

207. Who moves among fool's company 207. Sống chung với người ngu, must truly grieve for long, Lâu dài bị lo buồn. for ill the company of fools Khổ thay gần người ngu, as ever that of foes, Như thường sống kẻ thù. but weal's a wise one's company Vui thay, gần người trí, as meeting of one's folk. Như chung sống bà con.

208. Thus go with the steadfast, wise, well- 208. Do vậy : versed, Bậc hiền sĩ, trí tuệ firm of virtue, practice-pure, Bậc nghe nhiều, trì giới, Ennobled "Such", who's sound, sincere, Bậc tự chế, Thánh nhân; as moon in wake of the Milky Way. Hãy gần gũi, thân cận Thiện nhân, trí giả ấy, Như trăng theo đường sao.

XVI- Piyavagga

Affection Phẩm Hỷ ái

209. One makes an effort where none's due 209. Tự chuyên, không đáng with nothing done where effort's due, chuyên one grasps the dear, gives up the Quest Không chuyên, việc đáng chuyên envying those who exert themselves. Bỏ đích, theo hỷ ái, Ganh tị bậc tự chuyên.

210. Don't consort with dear ones 210. Chớ gần gũi người yêu, at any time, nor those not dear, Trọn đời xa kẻ ghét. 'tis dukkha not to see the dear, Yêu không gặp là khổ, 'tis dukkha seeing those not dear. Oán phải gặp cũng đau.

211. Others then do not make dear 211. Do vậy chớ yêu ai, for hard's the parting from them. Ái biệt ly là ác; For whom there is no dear, undear Những ai không yêu ghét, in them no bonds are found. Không thể có buộc ràng.

212. From endearment grief is born, 212. Do ái sinh sầu ưu, from endearment fear, Do ái sinh sợ hãi, one who is endearment-free Ai thoát khỏi tham ái, has no grief -- how fear? Không sầu, đâu sợ hãi?

213. From affection grief is born, 213. Ái luyến sinh sầu ưu, from affection fear, Ái luyến sinh sợ hãi. one who is affection-free Ai giải thoát ái luyến has no grief -- how fear? Không sầu, đâu sợ hãi?

214. From lustfulness arises grief, 214. Hỷ ái sinh sầu ưu, from lustfulness springs fear, Hỷ ái sinh sợ hãi. one wholly free of lustfulness Ai giải thoát hỷ ái, has no grief -- how fear? Không sầu, đâu sợ hãi?

215. From attachment grief is born, 215. Dục ái sinh sầu ưu, from attachment fear, Dục ái sinh sợ hãi, one who is attachment-free Ai thoát khỏi dục ái, has no grief -- how fear? Không sầu, đâu sợ hãi?

216. Out of craving grief is born, 216. Tham ái sinh sầu ưu, out of craving fear, Tham ái sinh sợ hãi. one fully freed of craving Ai giải thoát tham ái, has no grief -- how fear? Không sầu, đâu sợ hãi?

217. Perfect in virtue and insight, 217. Đủ giới đức, chánh kiến ; firm in Dhamma, knower of Truth, Trú pháp, chứng chân lý, dear to the people's such a one Tự làm công việc mình, who does what should be done. Được quần chúng ái kính.

218. One with a wish for the Undeclared, 218. Ước vọng pháp ly ngôn [1] with mind so well-pervaded, Ý cảm xúc thượng quả [2] a mind not bound in pleasures of sense, Tâm thoát ly các dục, an "upstream-goer's" called. Xứng gọi bậc Thượng Lưu.

219. One who's long away from home 219. Khách lâu ngày ly hương, returns in safety from afar, An toàn từ xa về, then friends, well-wishers, kinsmen too Bà con cùng thân hữu, are overjoyed at his return. Hân hoan đón chào mừng.

220. In the same way, with merit done 220. Cũng vậy các phước nghiệp, when from this world to another gone Đón chào người làm lành, those merits then receive one there Đời này đến đời kia. as relatives a dear one come. Như thân nhân, đón chào.

Chú thích: [1] Niết Bàn [2]Ba Thánh quả

XVII- Kodhavagga Anger Phẩm Phẫn Nộ

221. Anger and pride should one forsake, 221. Bỏ phẫn nộ, ly mạn, all fetters cast aside, Vượt qua mọi kiết sử, dukkha's none where no desire, Không chấp trước danh sắc. no binding to body or mind. Khổ không theo vô sản.

222. Who checks arising anger 222. Ai chận được phẫn nộ, as with chariot away, Như dừng xe đang lăn, that one I call a charioteer, Ta gọi người đánh xe, others merely grip the reins. Kẻ khác, cầm cương hờ.

223. Anger conquer by amity, 223. Lấy không giận thắng giận, evil conquer with good, Lấy thiện thắng không thiện, by giving conquer miserly, Lấy thí thắng xan tham, with truth the speaker of falsity. Lấy chơn thắng hư ngụy.

224. Speak truth and be not angry, 224. Nói thật, không phẫn nộ, from little give to one who asks, Của ít, thí người xin, by these conditions three to go Nhờ ba việc lành này, unto the presence of the gods. Người đến gần thiên giới.

225. Those sages inoffensive 225. Bậc hiền không hại ai, in body e'er restrained Thân thường được chế ngự go unto the Deathless State Đạt được cảnh bất tử, where gone they grieve no more. Đến đây, không ưu sầu.

226. For the ever-vigilant 226. Những người thường giác who train by day and night tỉnh, upon Nibbana e'er intent Ngày đêm siêng tu học, pollutions fade away. Chuyên

tâm hướng Niết bàn, Mọi lậu hoặc được tiêu.

227. An ancient saying, Atula, 227.A-tu-la, nên biết, not only said today -- Xưa vậy, nay cũng vậy, "They are blamed who silent sit, Ngồi im, bị người chê, who often speak they too are blamed, Nói nhiều, bị người chê, and blamed are they of measured speech" Nói vừa phải, bị chê. -- Làm người không bị chê, there's none in the world unblamed. Thật khó tìm ở đời.

228. There never was, there'll never be 228. Xưa, vị lai,và nay, nor now is ever found Đâu có sự kiện này,

a person blamed perpetually Người hoàn toàn bị chê, or one who's wholly praised. Người trọn vẹn được khen.

229. But those who are intelligent 229. Sáng sáng, thẩm xét kỹ. praise one of flawless conduct, sage, Bậc có trí tán thán. in wisdom and virtue well-composed, Bậc trí không tỳ vết, having observed him day by day. Đầy đủ giới định tuệ.

230. Who's to blame that one so fine 230. Hạnh sáng như vàng ròng, as gem from Jambu stream? Ai dám chê vị ấy? Even the devas that one praise, Chư thiên phải khen thưởng, by Brahma too is praised. Phạm Thiên cũng tán dương.

231. Rough action one should guard 231. Giữ thân đừng phẩn nộ, against, Phòng thân khéo bảo vệ, be with body well-restrained, Từ bỏ thân làm ác, bad bodily conduct having shed Với thân làm hạnh lành. train oneself in good.

232. Rough speaking one should guard 232. Giữ lời đừng phẩn nộ, against, Phòng lời khéo bảo vệ, be in speaking well-restrained, Từ bỏ lời thô ác, bad verbal conduct having shed Với lời, nói điều lành. train oneself in good.

233. Rough thinking one should guard 233. Giữ ý đừng phẩn nộ, against, Phòng ý, khéo bảo vệ, be in thinking well-restrained, Từ bỏ ý nghĩ ác, bad mental conduct having shed Với ý, nghĩ hạnh lành. train oneself in good.

234. Restrained in body are the wise, 234. Bậc trí bảo vệ thân, in speech as well they are restrained, Bảo vệ luôn lời nói likewise are they restrained in mind, Bảo vệ cả tâm tư, they're perfectly restrained. Ba nghiệp khéo bảo vệ.

XVIII- Malavagga Impurities Phẩm Cấu Uế

235. Now a withered leaf you are 235. Ngươi nay giống lá héo, and now Death's men draw near, Diêm sứ đang chờ ngươi, now you stand at the parting gates Ngươi đứng trước cửa chết, but waybread you have none. Đường trường thiếu tư lương.

236. Make an island of yourself, 236. Hãy tự làm hòn đảo, quickly strive and wise become, Tinh cần gấp, sáng suốt. freed from stain and passionless Trừ cấu uế, thanh tịnh, to go to the pure Abodes. Đến Thánh địa chư Thiên.

237. Even now the end draws near, 237. Đời ngươi nay sắp tàn, to the presence of death you've fared. Tiến gần đến Diêm Vương. Along the path's no place for rest Giữa đường

không nơi nghỉ, and waybread you have none. Đường trường thiếu tư lương.

238. Make an island of yourself, 238. Hãy tự làm hòn đảo, quickly strive and wise become, Tinh cần gấp, sáng suốt. freed from stain and passionless Trừ cấu uế, thanh tịnh, you'll not return, take flesh, decay. Chẳng trở lại sanh già.

239. Little by little, time after time, 239. Bậc trí theo tuần tự. successively then let the sage Từng sát na trừ dần blow away all blemishes Như thợ vàng lọc bụi just as a smith with silver. Trừ cấu uế nơi mình.

240. As rust arisen out of iron 240. Như sét từ sắt sinh, itself that iron eats away, Sắt sanh lại ăn sắt, so kammas done beyond what's wise Cũng vậy, quá lợi dưỡng lead to a state of woe. Tự nghiệp dẫn cõi ác.

241. For oral tradition, non-recitation, 241. Không tụng làm nhớp kinh, in household life, non-exertion, Không đứng dậy, bẩn nhà, the fair of form when slovenly, Biếng nhác làm nhơ sắc, a sentry's sloth: all blemishes. Phóng dật uế người canh.

242. In woman, conduct culpable, 242. Tà hạnh nhơ đàn bà, with givers, avariciousness, Xan tham nhớp kẻ thí, all blemishes these evil things Ác pháp là vết nhơ, in this world or the next. Đời này và đời sau.

243. More basic than these blemishes 243. Trong hàng cầu uế ấy, is ignorance, the worst of all. Vô minh, nhơ tối thượng, Abandoning this blemish then, Đoạn nhơ ấy, tỷ kheo, be free of blemish, monks! Thành bậc không uế nhiễm.

244. Easy the life for a shameless one 244. Dễ thay, sống không hổ who bold and forward as a crow, Sống lỗ mãng như quạ, is slanderer and braggart too: Sống công kích huyênh hoang, this one's completely stained. Sống liều lĩnh, nhiễm ô.

245. But hard the life of a modest one 245. Khó thay, sống xấu hổ, who always seeks for purity, Thường thường cầu thanh tịnh. who's cheerful though no braggart, Sống vô tư, khiêm tốn, clean-living and discerning. Trong sạch và sáng suốt.

246. In the world who life destroys, 246. Ai ở đời sát sinh, who words of falsity speaks, Nói láo không chân thật, who takes what is not freely given Ở đời lấy không cho, or to another's partner goes. Qua lại với vợ người.

247. Or has distilled, fermented drinks: 247. Uống rượu men, rượu nấu, Who with abandon follows these Người sống đam mê vậy, extirpates the root of self Chính ngay tại đời này, even here in this very world. Tự đào bới gốc mình.

248. Therefore friend remember this; 248. Vậy người, hãy nên biết, Hard to restrain are evil acts, Không chế ngự là ác, don't let greed and wickedness Chớ để tham phi pháp, down drag you long in dukkha. Làm người đau khổ dài.

249. People give as they have faith, 249. Do tín tâm, hỷ tâm as they are bright with joyfulness. Loài người mới bố thí.

Who's troubled over gifts received, Ở đây ai bất mãn the food and drink that others get, Người khác được ăn uống, neither in daytime nor by night Người ấy ngày hoặc đêm, will come to a collected mind. Không đạt được tâm tịnh?

250. But who has severed envy's mind, 250. Ai cắt được, phá được, uprooted it, destroyed entire, Tận gốc nhổ tâm ấy. indeed in daytime and by night Người ấy ngày hoặc đêm, will come to a collected mind. Tất đến được tâm định.

251. There is no fire like lust, 251. Lửa nào bằng lửa tham! nought seizes like aversion, Chấp nào bằng sân hận! unequalled is delusion's net, Lưới nào bằng lưới si! no river's like to craving. Sông nào bằng sông ái!

252. Other's faults are easy to see 252. Dễ thay thấy lỗi người, yet hard it is to see one's own, Lỗi mình thấy mới khó. and so one winnows just like chaff Lỗi người ta phanh tìm, the faults of other people, while Như sàng trấu trong gạo. hiding away those of one's own Còn lỗi mình, che đậy, as crafty cheat the losing throw. Như kẻ gian dấu bài.

253. Who's always seeing other's faults, 253. Ai thấy lỗi của người, taking offence, censorious, Thường sanh lòng chỉ trích, pollutions spread for such a one Người ấy lậu hoặc tăng, who's far from their exhaustion. Rất xa lậu hoặc diệt.

254. In skies above there is no path, 254. Hư không, không dấu chân, no peaceful one's without, Ngoài đây, không sa môn, in manifoldness do folk delight, Chúng sanh thích hý luận, Tathagatas are manifold-free. Như Lai, hý luận trừ.

255. In skies above there is no path, 255. Hư không, không dấu chân, no peaceful one's without, Ngoài đây, không sa môn. nothing conditioned ever lasts, Các hành không thường trú, no Buddha's ever shaken. Chư Phật không dao động.

XIX- Dhammatthavagga Established in Dhamma Phẩm Pháp Trụ

256. Whoever judges hastily 256. Ngươi đâu phải pháp trụ, does Dhamma not uphold, Xử sự quá chuyên chế, a wise one should investigate Bậc trí cần phân biệt truth and untruth both. Cả hai chánh và tà!

257. Who others guides impartially 257. Không chuyên chế, đúng with carefulness, with Dhamma, pháp, that wise one Dhamma guards, Công bằng, dắt dẫn người, a "Dhamma-holder's" called. Bậc trí sống đúng pháp, Thật xứng danh Pháp trụ.

258. Just because articulate 258. Không phải vì nói nhiều, one's not thereby wise, Mới xứng danh bậc trí.

hateless, fearless and secure, An ổn, không oán sợ. a "wise one" thus is called. Thật đáng gọi bậc Trí.

259. Just because articulate 259. Không phải vì nói nhiều, one's not skilled in Dhamma; Mới xứng danh trì pháp, but one who's heard even little Những ai tuy nghe ít, and Dhamma in the body sees, Nhưng thân hành đúng pháp, that one is skilled indeed, Không phóng túng chánh pháp, not heedless of the Dhamma. Mới xứng danh trì pháp.

260. A man is not an Elder 260. Không phải là trưởng lão, though his head be grey, Nếu cho có bạc đầu. he's just fully ripe in years, Người chỉ tuổi tác cao, "aged-in-vain" he's called. Được gọi là "Lão ngu".

261. In whom is truth and Dhamma too, 261. Ai chân thật, đúng pháp, harmlessness, restraint, control, Không hại, biết chế phục, he's steadfast, rid of blemishes, Bậc trí không cấu uế, an "Elder" he is called. Mới xứng danh "Trưởng Lão".

262. Not by eloquence alone 262. Không phải nói lưu loát, or by lovely countenance Không phải sắc mặt đẹp, is a person beautiful Thành được người lương thiện, if jealous, boastful, mean. Nếu ganh, tham, dối trá.

263. But "beautiful" is called that one 263. Ai cắt được, phá được in whom these are completely shed, Tận gốc nhổ tâm ấy uprooted, utterly destroyed, Người trí ấy diệt sân, a wise one purged of hate. Được gọi người hiền thiện.

264. By shaven head no Samana 264. Đầu trọc, không Sa môn if with deceit, no discipline. Nếu phóng túng, nói láo. Engrossed in greed and selfishness Ai còn đầy dục tham, how shall he be a Samana? Sao được gọi Sa môn ?

265. All evils altogether he 265. Ai lắng dịu hoàn toàn, subdues both fine and gross. Các điều ác lớn nhỏ, Having subdued al evil he Vì lắng dịu ác pháp, indeed is called a "Samana". Được gọi là Sa môn.

266. Though one begs from others 266. Chỉ khất thực nhờ người, by this alone's no bhikkhu. Đâu phải là tỷ kheo! Not just by this a bhikkhu Phải theo pháp toàn diện, but from all Dhamma doing. Khất sĩ không, không đủ.

267. Who both good and evil deeds 267. Ai vượt qua thiện ác, has gone beyond with holy life, Chuyên sống đời Phạm Hạnh, having discerned the world he fares Sống thẩm sát ở đời, and "Bhikkhu" he is called. Mới xứng danh tỷ kheo.

268. By silence one is not a sage 268. Im lặng nhưng ngu si, if confused and foolish, Đâu được gọi ẩn sĩ? but one who's wise, as if with scales Như người cầm cán cân, weighs, adopts what's good. Bậc trí chọn điều lành.

269. Shunning evil utterly 269. Từ bỏ các ác pháp, one is a sage, by that a sage. Mới thật là ẩn sĩ.

Whoever both worlds knows Ai thật hiểu hai đời for that one's called a "Sage". Mới được gọi ẩn sĩ.

270. By harming living beings 270. Còn sát hại sinh linh, one is not a "Noble" man, Đâu được gọi Hiền thánh. by lack of harm to all that live Không hại mọi hữu tình, one is called a "Nobel One". Mới được gọi Hiền thánh.

271. Not by vows and rituals 271. Chẳng phải chỉ giới cấm or again by learning much Cũng không phải học nhiều, or by meditative calm Chẳng phải chứng thiền định, or by life in solitude. Sống thanh vắng một mình.

272. Should you, O bhikkhu, be content, 272. "Ta hưởng an ổn lạc, "I've touched the bliss of letting go Phàm phu chưa hưởng được": not enjoyed by common folk", Tỷ kheo, chớ tự tin though you've not gained pollution's end. Khi lậu hoặc chưa diệt.

XX- Maggavagga The Path Phẩm Đạo

273. Of paths the Eight-fold is the best, 273. Tám chánh, đường thù thắng, of truths the statement Four, Bốn câu, lý thù thắng, the passionless of teachings best, Ly tham, pháp thù thắng, of humankind the Seer. Giữa các loài hai chân, Pháp nhãn, người thù thắng.

274. This is the Path, no other's there 274. Đường này, không đường for purity of insight, khác enter then upon this path Đưa đến kiến thanh tịnh. bemusing Mara utterly. Nếu ngươi theo đường này, Ma quân sẽ mê loạn.

275. Entered then upon this Path 275. Nếu ngươi theo đường này, you'll make an end of dukkha. Đau khổ được đoạn tận. Freed in knowledge from suffering's stings Ta dạy ngươi con đường. the Path's proclaimed by me. Với trí, gai chướng diệt.

276. Buddhas just proclaim the Path 276. Ngươi hãy nhiệt tình làm, but you're the ones to strive. Như Lai chỉ thuyết dạy. Contemplatives who tread the Path Người hành trì thiền định are freed from Mara's bonds Thoát trói buộc ác Ma.

276. When with wisdom one discerns 277. Tất cả hành vô thường transience of conditioned things Với Tuệ, quán thấy vậy one wearily from dukkha turns Đau khổ được nhàm chán: treading the Path to purity. Chính con đường thanh tịnh.

277. When with wisdom one discerns 278. Tất cả hành khổ đau the dukkha of conditioned things Với Tuệ, quán thấy vậy, one wearily from dukkha turns Đau khổ được nhàm chán: treading the Path to purity. Chính con đường thanh tịnh.

278. When with wisdom one discerns 279. Tất cả pháp vô ngã, all knowables are not a self Với Tuệ, quán thấy vậy, one wearily from dukkha turns Đau khổ được nhàm chán: treading the Path to purity. Chính con đường thanh tịnh.

279. Though time to strive, not striving, 280. Khi cần, không nỗ lực, while young and strong yet indeed, Tuy trẻ mạnh, nhưng lười weak-minded and irresolute: Chí nhu nhược, biếng nhác. one finds not wisdom's way. Với trí tuệ thụ động, Sao tìm được chánh đạo?

280. In speech ever watchful with mind 281. Lời nói được thận trọng, well-restrained Tâm tư khéo hộ phòng, never with body do unwholesomeness. Thân chớ làm điều ác, So should one purify these three kamma- Hãy giữ ba nghiệp tịnh, paths Chứng đạo thánh nhân dạy. winning to the Way made known by the Seers.

281. From endeavour wisdom springs, 282. Tu Thiền, trí tuệ sanh, lacking effort wisdom wanes: Bỏ Thiền, trí tuệ diệt. having known this two-fold path Biết con đường hai ngả either to progress or decline Đưa đến hữu, phi hữu, so should one exhort oneself Hãy tự mình nỗ lực, that wisdom may increase. Khiến trí tuệ tăng trưởng.

282. The wood cut down but not a tree 283. Đốn rừng không đốn cây since it's from wood that fear is born. Từ rừng, sinh sợ hãi; Having cut wood and woodedness Đốn rừng [1] và ái dục, O bhikkhus be without a wood. Tỷ kheo, hãy tịch mịch.

283. As long indeed as woodedness 284. Khi nào chưa cắt tiệt, of man to women is not cut Ái dục giữa gái trai, so long in bondage is one's mind Tâm ý vẫn buộc ràng, as milch-calf to the mother cow. Như bò con vú mẹ.

284. Cut off affection for oneself 285. Tự cắt dây ái dục, as a hand a lily in the Fall. Như tay bẻ sen thu, Cultivate this peaceful Path, Hãy tu đạo tịch tịnh, Nibbana by the Buddha taught. Niết bàn, Thiện Thệ dạy.

285. Here shall I spend the Rains, 286. Mùa mưa ta ở đây here the Winter, here the Summer. Đông, hạ cũng ở đây, Thus speculates the fool, Người ngu tâm tưởng vậy, the danger he knows not. Không tự giác hiểm nguy.

286. For one who has a clinging mind 287. Người tâm ý đắm say and finds delight in babes and herds Con cái và súc vật, Death does seize and carry away Tử thần bắt người ấy, as great flood a sleeping village. Như lụt trôi hàng ngủ.

287. No sons are there for shelter 288. Một khi tử thần đến, nor father nor related folk, Không có con che chở, one by the Death-king seized upon Không cha, không bà con, in kin no shelter finds. Không thân thích che chở.

288. Having understood this fact 289. Biết rõ ý nghĩa này, the wise by virtue well-restrained Bậc trí lo trì giới, swiftly then should clear the Path Mau lẹ làm thanh tịnh, leading to Nibbana. Con đường đến Niết bàn.

Chú thích: [1] Dục vọng

XXI- Pakinnakavagga Miscellaneous Phẩm Tạp Lục

290. If one should see great happiness 290. Nhờ từ bỏ lạc nhỏ, in giving up small happiness Thấy được lạc lớn hơn, one wise the lesser would renounce Bậc trí bỏ lạc nhỏ, the greater full-discerning. Thấy được lạc lớn hơn.

291. Who so for self wants happiness 291. Gieo khổ đau cho người, by causing others pain, Mong cầu lạc cho mình, entangled in anger's tangles Bị hận thù buộc ràng one's from anger never free. Không sao thoát hận thù.

292. What should be done is left undone 292. Việc đáng làm, không làm, and done is what should not be done, Không đáng làm, lại làm, ever the pollutions grow Người ngạo mạn, phóng dật, of those ones proud and heedless. Lậu hoặc ắt tăng trưởng.

293. But for who always practice well 293. Người siêng năng cần mẫn, bodily mindfulness, Thường thường quán thân niệm, do never what should not be done, Không làm việc không đáng, and ever do what should be done Gắng làm việc đáng làm, for mindful ones, the full-aware, Người tư niệm giác tỉnh, pollutions fade away. Lậu hoặc được tiêu trừ.

294. One's mother and father having slain 294. Sau khi giết mẹ cha [1] and then two warrior kings, Giết hai vua Sát lỵ [2] a realm as well its treasurer, Giết vương quốc, quần thần [3] one goes immune, a Brahmin True. Vô ưu, Phạm chí sống.

295. One's mother and father having slain 295. Sau khi giết mẹ cha, and then two learned kings, Hai vua Bà la môn as well the fifth, a tiger fierce, Giết hổ tướng thứ năm [4] one goes immune, a Brahmin True. Vô ưu, Phạm chí sống.

296. Well awakened, they're awake 296. Đệ tử Gotama, ever the Buddha's pupils Luôn luôn tự tỉnh giác who constantly by day, by night Vô luận ngày hay đêm, are mindful of the Buddha. Thường tưởng niệm Phật Đà.

297. Well awakened, they're awake 297. Đệ tử Gotama, ever the Buddha's pupils Luôn luôn tự tỉnh giác, who constantly by day, by night Vô luận ngày hay đêm, are mindful of the Dhamma. Thường tưởng niệm Chánh Pháp.

298. Well awakened, they're awake 298. Đệ tử Gotama, ever the Buddha's pupils Luôn luôn tự tỉnh giác, who constantly by day, by night Vô luận ngày hay đêm, are mindful of the Sangha. Thường tưởng niệm Tăng già.

299. Well awakened, they're awake 299. Đệ tử Gotama, ever the Buddha's pupils Luôn luôn tự tỉnh giác, who constantly by day, by night Vô luận ngày hay đêm, are mindful of the body. Thường tưởng niệm sắc thân.

300. Well awakened, they're awake 300. Đệ tử Gotama, ever the Buddha's pupils Luôn luôn tự tỉnh giác, who constantly by day, by night Vô luận ngày hay đêm, in harmlessness delight. Ý vui niềm bất hại.

301. Well awakened, they're awake 301. Đệ tử Gotama, ever the Buddha's pupils Luôn luôn tự tỉnh giác, who constantly by day, by night Vô luận ngày hay đêm, in meditation take delight. Ý vui tu thiền quán.

302. Hard's the going-forth, hard to delight in 302. Vui hạnh xuất gia khó, it, Tại gia sinh hoạt khó, hard the household life and dukkha is it too. Sống bạn không đồng, khổ, Dukkha's to dwell with those dissimilar Trôi lăn luân hồi, khổ. and dukkha befalls the wanderer. Vậy chớ sống luân hồi, Be therefore not a wanderer, Chớ chạy theo đau khổ. not one whom dukkha befalls.

303. Who's full of faith and virtue, 303. Tín tâm, sống giới hạnh of substance, high repute, Đủ danh xưng tài sản, is honoured everywhere, Chỗ nào người ấy đến, wherever that one goes. Chỗ ấy được cung kính.

304. Afar the true are manifest 304. Người lành dầu ở xa like Himalayan range, Sáng tỏ như núi tuyết, yet even here the false aren't seen, Người ác dầu ở gần they're arrows shot by night. Như tên bắn đêm đen.

305. Alone one sits, alone one lies, 305. Ai ngồi nằm một mình, alone one walks unweariedly, Độc hành không buồn chán, in solitude one tames oneself Tự điều phục một mình so in the woods will one delight. Sống thoải mái rừng sâu.

Chú thích:

[1] Ái dục và mạn.

[2] Thường kiến và biên kiến.

[3] 12 xứ

[4] Nghi

XXII- Nirayavagga Hell Phẩm Địa Ngục

306. With one denying truth there goes to hell 306. Nói láo đọa địa ngục that one who having done says "I did not". Có làm nói không làm, Both of them are making kammas base Cả hai chết đồng đẳng, are equal after death. Làm người, nghiệp hạ liệt.

307. Many who wear the yellow robe 307. Nhiều người khoác cà sa, are unrestrained in evil things, Ác hạnh không nhiếp phục. these evil ones by evil deeds, Người ác, do ác hạnh, in hell do they arise. Phải sanh cõi Địa ngục.

308. Better to eat a ball of iron 308. Tốt hơn nuốt hòn sắt glowing as flame of fire Cháy đỏ như than hồng, than one should eat country's alms Hơn ác giới, buông lung immoral and unrestrained. Ăn đồ ăn quốc độ.

309. Four things befall that heedless one 309. Bốn nạn chờ đợi người, sleeping with one who's wed: Phóng dật theo vợ người ; demerit gained but not good sleep, Mắc họa, ngủ không yên, third is blame while fourth is hell. Bị chê là thứ ba, Đọa địa ngục, thứ bốn. 310. Demerit's gained and evil birth, 310. Mắc họa, đọa ác thú, scared man and women -- brief their joy, Bị hoảng sợ, ít vui. the king decrees a heavy doom: Quốc vương phạt trọng hình. so none should sleep with one who's wed. Vậy chớ theo vợ người.

311. As blady grass when wrongly grasped 311. Như cỏ sa [1] vụng nắm, the hand does lacerate Tất bị họa đứt tay. so a mishandled monastic life Hạnh sa môn tà vạy, drags one off to hell. Tất bị đọa địa ngục.

312. Whatever of kammas slack, 312. Sống phóng đãng buông whatever of vows corrupt, lung, a faltering in the holy life Theo giới cấm ô nhiễm, never brings ample fruit. Sống phạm hạnh đáng nghi Sao chứng được quả lớn.

313. If there's aught that should be done 313. Cần phải làm, nên làm let it be done then steadily, Làm cùng tận khả năng in truth a slack monastic life Xuất gia sống phóng đãng, all the more stirs up the dust. Chỉ tăng loạn bụi đời.

314. Better an evil deed not done 314. Ác hạnh không nên làm, for misdeed later on torments. Làm xong, chịu khổ lụy, Better done is deed that's good, Thiện hạnh, ắt nên làm, which done, does not torment. Làm xong, không ăn năn.

315. Even as a border town 315. Như thành ở biên thùy, guarded within and without, Trong ngoài điều phòng hộ so should you protect yourselves. Cũng vậy, phòng hộ mình, Do not let this moment pass Sát na chớ buông lung. for when this moment's gone they grieve Giây phút qua, sầu muộn. sending themselves to hell. Khi rơi vào địa ngục.

316. They are ashamed where shame is not 316. Không đáng hổ, lại hổ. but where is shame are not ashamed Việc đáng hổ, lại không. so by embracing evil views Do chấp nhận tà kiến, beings go to an evil birth. Chúng sanh đi ác thú.

317. They are afraid where fear is not 317. Không đáng sợ, lại sợ, but where is fear are unafraid, Đáng sợ, lại thấy không, so by embracing evil views Do chấp nhận tà kiến. beings go to an evil birth. Chúng sanh đi ác thú.

318. Faults they see where fault is not 318. Không lỗi, lại thấy lỗi, but where is fault they see it not, Có lỗi, lại thấy không, so by embracing evil views Do chấp nhận tà kiến, beings go to an evil birth. Chúng sanh đi ác thú.

319. A fault they understand as such, 319. Có lỗi, biết có lỗi, they know as well where fault is not, Không lỗi, biết là không, so by embracing righteous views Do chấp nhận chánh kiến, beings go to a happy rebirth. Chúng sanh đi cõi lành.

Chú thích: [1] Cỏ Kusa

XXIII- Nagavagga The Great Phẩm Voi

320. Many folks are ill-behaved 320. Ta như voi giữa trận but I shall endure abuse Hứng chịu cung tên rơi, as elephant in battlefield Chịu đựng mọi phỉ báng. arrows shot from a bow. Ác giới rất nhiều người.

321. The tusker tamed they lead in crowds, 321. Voi luyện, đưa dự hội, the king he mounts the tamed, Ngựa luyện, được vua cưỡi, noblest of humans are the tamed Người luyện, bậc tối thượng who can endure abuse. Chịu đựng mọi phỉ báng.

322. Excellent are mules when tamed 322. Tốt thay, con la thuần, and thoroughbred from Sindh, Thuần chủng loài ngựa Xinh. noble the elephant of state, Đại tượng, voi có ngà. better still one tamed of self. Tự điều mới tối thượng.

323. Surely not on mounts like these 323. Chẳng phải loài cưỡi ấy, one goes the Unfrequented Way Đưa người đến Niết bàn, as one by self well-tamed Chỉ có người tự điều, is tamed and by the taming goes. Đến đích nhờ điều phục.

324. Hard to check the tusker Dhanapala, 324. Con voi tên Tài Hộ, in rut with temple running pungently, Phát dục, khó điều phục, bound, e'en a morsel he'll not eat Trói buộc, không ăn uống. for he recalls the elephant-forest longingly. Voi nhớ đến rừng voi.

325. A sluggard stupid, steeped in gluttony, 325. Người ưa ngủ, ăn lớn who's sleep-engrossed, who wallows as he lies, Nằm lăn lóc qua lại, like a great porker stuffed, engorged with Chẳng khác heo no bụng, swill, Kẻ ngu nhập thai mãi. comes ever and again into a womb.

326. Formerly this wandering mind wandered 326. Trước tâm này buông lung, where it wished, where whim, where pleasure Chạy theo ái, dục, lạc. led. Nay Ta chánh chế ngự, Wisely this day I will restrain it Như cầm móc điều voi. as trainer with hook an elephant in rut.

327. Do you delight in heedfulness 327. Hãy vui không phóng dật, and guard your own mind well! Khéo phòng hộ tâm ý. Draw yourselves from the evil way Kéo mình khỏi ác đạo, as would elephant sunk in slough. Như voi bị sa lầy.

328. If for practice one finds a friend 328. Nếu được bạn hiền trí prudent, well-behaved and wise, Đáng sống chung, hạnh lành, mindful, joyful, live with him Nhiếp phục mọi hiểm nguy all troubles overcoming. Hoan hỷ sống chánh niệm.

329. If for practice one finds no friend 329. Không gặp bạn hiền trí. prudent, well-behaved and wise, Đáng sống chung, hạnh lành like king be leaving conquered land, Như vua bỏ nước bại, fare as lone elephant in the wilds. Hãy sống riêng cô độc, Như voi sống rừng voi. 330. Better it is to live alone 330. Tốt hơn sống một mình, for with a fool's no fellowship, Không người ngu kết bạn. no evil do, be free of care, Độc thân, không ác hạnh fare as lone elephant in the wilds. Sống vô tư vô lự, Như voi sống rừng voi. 331. Blest to have friends when one's in need, 331. Vui thay, bạn lúc cần! blest contentment with whatever is, Vui thay, sống biết đủ, blessed is merit when life's at an end, Vui thay, chết có đức! abandoning all dukkha is blessedness. Vui thay, mọi khổ đoạn.

332. Respect for one's mother brings 332. Vui thay, hiếu kính mẹ, happiness here Vui thay, hiếu kính cha, as well as respect for one's father. Vui thay, kính Sa môn, Here happiness comes from respecting the Vui thay, kính Hiền Thánh. monks and those of virtue excellent.

333. Blest is virtue till life's end 333. Vui thay, già có giới! and blest the faith standing firm, Vui thay, tín an trú! blest the attainment of wisdom Vui thay, được trí tuệ, and blest the non-doing of evils. Vui thay, ác không làm.

XXIV- Tanhavagga

Craving Phẩm Tham ái

334. As creeping ivy craving grows 334. Người sống đời phóng dật, in one living carelessly. Ái tăng như dây leo. Like this, one leaps from life to life Nhảy đời này đời khác, as ape in the forest seeking fruit. Như vượn tham quả rừng.

335. Whomsoever in this world 335. Ai sống trong đời này, this wretched clinging craving routs Bị ái dục buộc ràng for such a one do sorrows grow Sầu khổ sẽ tăng trưởng, as grass well-soaked with rain. Như cỏ Bi gặp mưa.

336. But whoever in this world 336. Ai sống trong đời này routs wretched craving hard to quell, Ái dục được hàng phục Sầu rơi khỏi người ấy Như giọt nước lá sen.

from such a one do sorrows fall like water drops from lotus leaf.

337. Prosperity to you, I say, 337. Đây điều lành Ta dạy, to all assembled here! Các người tụ họp đây, When needing grass's fragrant root Hãy nhổ tận gốc ái so craving extirpate. Như nhổ gốc cỏ Bi. Don't let Mara break you again, Chớ để ma phá hoại, again as a torrent a reed! Như giòng nước cỏ lau.

338. As tree though felled shoots up again 338. Như cây bị chặt đốn, it its roots are safe and firm Gốc chưa hại vẫn bền so this dukkha grows again Ái tùy miên chưa nhổ, while latent craving's unremoved. Khổ này vẫn sanh hoài.

339. For whom the six and thirty streams 339. Ba mươi sáu dòng ái [1], so forceful flow to seemings sweet Trôi người đến khả ái. floods of thought that spring from lust Các tư tưởng tham ái. sweep off such wrong viewholder. Cuốn trôi người tà kiến.

340. Everywhere these streams are swirling, 340. Dòng ái dục chảy khắp, up-bursting creepers rooted firm. Như giây leo mọc tràn, Seeing the craving-creeper there Thấy giây leo vừa sanh, with wisdom cut its root! Với tuệ, hãy đoạn gốc.

341. To beings there are pleasures streaming 341. Người đời nhớ ái dục, sticky with desire, Ưa thích các hỷ lạc. steeped in comfort, happiness seeking, Tuy mong cầu an lạc, such ones do come to birth, decay. Chúng vẫn phải sanh già.

342. Who follow craving are assailed, 342. Người bị ái buộc ràng, they tremble as the hare ensnared, Vùng vẫy và hoảng sợ, held fast by fetter and by bonds Như thỏ bị sa lưới. so long they come to dukkha again. Chúng sanh ái trói buộc, Chịu khổ đau dài dài. 343. Who follow craving are assailed, 343. Người bị ái buộc ràng, they tremble as the hare ensnared, Vùng vẫy và hoảng sợ, so let a bhikkhu craving quell Như thỏ bị sa lưới. whose aim is passionlessness. Do vậy vị tỷ kheo, Mong cầu mình ly tham Nên nhiếp phục ái dục. 344. Who without woodness inclines to the 344. Lìa rừng lại hướng rừng [2] wood. Thoát rừng chạy theo rừng. free in the wood to woodness returns. Nên xem người như vậy, Do now regard that person well Được thoát khỏi buộc ràng. who free returns to fetter. Lại chạy theo ràng buộc.

345. Neither of iron nor wood nor hemp 345. Sắt, cây, gai trói buộc is bond so strong, proclaim the wise, Người trí xem chưa bền. as passion's yearn for sons, for wives, Tham châu báu, trang sức for gems and ornaments. Tham vọng vợ và con.

346. That bond is strong, proclaim the wise, 346. Người có trí nói rằng: down-dragging, pliable, hard to loose. Trói buộc này thật bền. This passion severed, they wander forth Trì kéo xuống, lún xuống, forsaking sensual pleasures. Nhưng thật sự khó thoát. Người trí cắt trừ nó, Bỏ dục lạc, không màng. 347. Ensnared in passion back they fall 347. Người đắm say ái dục as spider on a self-spun web. Tự lao mình xuống dòng This passion severed, wander the wise Như nhện sa lưới dệt. forsaking dukkha all. Người trí cắt trừ nó, Bỏ mọi khổ, không màng. 348. Let go before, let go the after, 348. Bỏ quá, hiện, vị lai, let go the middle, beyond the becoming. Đến bờ kia cuộc đời, With mind released in every way Ý giải thoát tất cả, you'll come no more to birth, decay. Chớ vướng tại sanh già.

349. For one who's crushed by thinking much 349. Người tà ý nhiếp phục, excessive lust from beauty's sight, Tham sắc bén nhìn tịnh, for that one craving grows the more, Người ấy ái tăng trưởng, that one makes strong the bonds. Làm giây trói mình chặt.

350. But who delights in subduing evil 350. Ai vui, an tịnh ý, thoughts, Quán bất tịnh, thường niệm, meditates on the impurities with mindfulness, Người ấy sẽ diệt ái, that one indeed will make an End, Cắt đứt Ma trói buộc. and will sever Mara's bonds.

351. One who's fearless, reached the End, 351. Ai tới đích không sợ, of craving and of blemish free, Ly ái, không nhiễm ô who has becoming's thorn plucked out, Nhổ mũi tên sanh tử, has this, a final body. Thân này thân cuối cùng.

352. One of clinging-craving free, 352. Ái lìa, không chấp thủ. who's skilled in way of chanting, Cú pháp khéo biện tài knowing the wording-sequence, Thấu suốt từ vô ngại, of what precedes and follows, Hiểu thứ lớp trước sau. possessed of final body, Thân này thân cuối cùng one greatly wise, "Great Person"'s called. Vị như vậy được gọi, Bậc Đại trí, đại nhân.

353. Beyond all beings, wise to all, 353. Ta hàng phục tất cả, unsoiled by dhammas all am I, Ta rõ biết tất cả, left all and freed by craving's end, Không bị nhiễm pháp nào. by self I've known, whom teacher call? Ta từ bỏ tất cả Ái diệt, tự giải thoát.

Đã tự mình thắng trí, Ta gọi ai thầy ta? 354. Gift of Dhamma surpasses all gifts, 354. Pháp thí, thắng mọi thí! the Dhamma, its taste all other tastes beats, Pháp vị, thắng mọi vị! delight in the Dhamma bests other delights, Pháp hỷ, thắng mọi hỷ! destruction of craving conquers all ill. Ái diệt, thắng mọi khổ!

355. Riches ruin a foolish one 355. Tài sản hại người ngu. but not one seeking the Further Shore, Không người tìm bờ kia craving for wealth a foolish one Kẻ ngu vì tham giàu, is ruined as if ruining others. Hại mình và hại người.

356. Weeds are a fault of fields, 356. Cỏ làm hại ruộng vườn, lust's a human fault, Tham làm hại người đời. thus offerings to the lustless Bố thí người ly tham, bear abundant fruit. Do vậy được quả lớn.

357. Weeds are a fault of fields, 357. Cỏ làm hại ruộng vườn, hate's a human fault, Sân làm hại người đời. hence offerings to the hateless Bố thí người ly sân, bear abundant fruit. Do vậy được quả lớn.

358. Weed are the fault of fields, 358. Cỏ làm hại ruộng vườn, delusion, human's faults, Si làm hại người đời, so gifts to the undeluded Bố thí người ly si, bear abundant fruit. Do vậy được quả lớn.

359. Weed are the fault of fields, 359. Cỏ làm hại ruộng vườn, desire, human's faults, Dục làm hại người đời. so gifts to the desireless Bố thí người ly dục, bear abundant fruit. Do vậy được quả lớn.

Chú thích: [1] tham ái có 3 loại: dục lạc, chấp hữu, chấp phi hữu; kết hợp với 6 căn và 6 trần thành 36 dòng ái [2] Lìa ái dục gia đình, lại chạy theo khổ hạnh ở rừng núi

XXV- Bhikkhuvagga The Monk Phẩm Tỷ Kheo

360. Right is restraint in the eye, 360. Lành thay, phòng hộ mắt! restraint in the ear is right, Lành thay, phòng hộ tai!

right is restraint in the nose, Lành thay, phòng hộ mũi! restraint in the tongue is right. Lành thay, phòng hộ lưỡi.

361. Right is restraint in the body, 361. Lành thay phòng hộ thân! restraint in speech is right, Lành thay, phòng hộ lời, right is restraint in the mind, Lành thay, phòng hộ ý. everywhere restraint is right. Lành thay, phòng tất cả. The bhikkhu everywhere restrained Tỷ kheo phòng tất cả, is from all dukkha free. Thoát được mọi khổ đau.

362. With hands controlled and feet 362. Người chế ngự tay chân, controlled, Chế ngự lời và đầu, in speech as well as head controlled, Vui thích nội thiền định, delighting in inward collectedness Độc thân, biết vừa đủ, alone, content, a bhikkhu's called. Thật xứng gọi tỷ kheo.

363. Whatever bhikkhu tongue-controlled 363. Tỷ kheo chế ngự miệng, speaks wisely and who is not proud, Vừa lời, không cống cao, who theory and practice can expound, Khi trình bày pháp nghĩa, sweet as honey is his speech. Lời lẽ dịu ngọt ngào.

364. The bhikkhu who in Dhamma dwells, 364. Vị tỷ kheo thích Pháp, in Dhamma delighting and pondering, Mến pháp, suy tư Pháp. remembering the Dhamma -- he Tâm tư niệm chánh Pháp, does not decline from Dhamma True. Không rời bỏ chánh Pháp.

365. He should not disdain his gains 365. Không khinh điều mình nor live of others envious, được, the bhikkhu who is envious Không ganh người khác được, does not attain collectedness. Tỷ kheo ganh tỵ người, Không sao chứng Thiền Định. 366. Disdaining not his gains, 366. Tỷ kheo dầu được ít, though little he receives, Không khinh điều mình được, pure of life and keen Sống thanh tịnh không nhác, that bhikkhu devas praise. Chư thiên khen vị này.

367. For whom there is no making "mine" 367. Hoàn toàn, đối danh sắc, towards all name and form, Không chấp Ta, của Ta. who does not grieve for what is not, Không chấp, không sầu não. he's truly "bhikkhu" called. Thật xứng danh Tỷ kheo.

368. The bhikkhu in kindness abiding, 368. Tỷ kheo trú Từ Bi, bright in the Buddha's Teaching Tín thành giáo Pháp Phật, can come to the Place of Peace, Chứng cảnh giới tịch tỉnh. the bliss of conditionedness ceased. Các hạnh an tịnh lạc.

369. O bhikkhu bail this boat, 369. Tỷ kheo, tát thuyền này, when emptied it will swiftly go. Thuyền không, nhẹ đi mau.

Having severed lust and hate Trừ tham, diệt sân hận, thus to Nibbana you'll go. Tất chứng đạt Niết Bàn.

370. Five cut off and five forsake, 370. Đoạn năm [1], từ bỏ năm [2], a further five then cultivate, Tu tập năm [3] tối thượng, a bhikkhu from five fetter free Tỷ kheo cắt năm trói [4], is called a "Forder of the flood". Xứng danh vượt "bộc lưu" [5].

371. Meditate bhikkhu! Don't be heedless! 371. Tỷ kheo, hãy tu thiền, Don't let pleasures whirl the mind! Chớ buông lung phóng dật, Heedless, do not gulp a glob of

iron! Tâm chớ đắm say dục, Bewail not when burning, "This is dukkha"! Phóng dật, nuốt sắt nóng Bị đốt, chớ than khổ! 372. No concentration wisdom lacks, 372. Không trí tuệ, không thiền, no wisdom concentration lacks, Không thiền, không trí tuệ. in whom are both these qualities Người có thiền có tuệ, near to Nibbana is that one. Nhất định gần Niết Bàn.

373. The bhikkhu gone to a lonely place 373. Bước vào ngôi nhà trống, who is of peaceful heart Tỷ kheo tâm an tịnh, in-sees Dhamma rightly, Thọ hưởng vui siêu nhân, knows all-surpassing joy. Tịnh quán theo chánh pháp.

374. Whenever one reflects 374. Người luôn luôn chánh niệm, on aggregates' arise and fall Sự sanh diệt các uẩn, one rapture gains and joy. Được hoan hỷ, hân hoan, 'Tis Deathless for Those-who-know. Chỉ bậc bất tử biết.

375. Here's indeed the starting point 375. Đây Tỷ kheo có trí, for the bhikkhu who is wise, Tu tập pháp căn bản sense-controlled, contented too, Hộ căn, biết vừa đủ, restrained to limit freedom ways, Gìn giữ căn bản giới, in company of noble friends Thường gần gũi bạn lành, who're pure of life and keen. Sống thanh tịnh tinh cần.

376. One should be hospitable 376. Giao thiệp khéo thân thiện, and skilled in good behaviour, Cử chỉ mực đoan trang. thereby greatly joyful Do vậy hưởng vui nhiều, come to dukkha's end. Sẽ dứt mọi khổ đau.

377. Just as the jasmine sheds 377. Như hoa Vassika [6], its shrivelled flowers all, Quăng bỏ cánh úa tàn, O bhikkhus so should you Cũng vậy vị Tỷ kheo, lust, aversion shed. Hãy giải thoát tham sân.

378. That bhikkhu calmed of body, speech, 378. Thân tịnh, lời an tịnh, calmed and well-composed of mind, An tịnh, khéo thiền tịnh.

who world-enjoyments has renounced, Tỷ kheo bỏ thế vật, "one calmed" indeed is truly called. Xứng danh bậc tịch tịnh.

379. By yourself exhort yourself! 379. Tự mình chỉ trích mình, By yourself restrain yourself! Tự mình dò xét mình, So mindful and self-guarded too, Tỷ kheo tự phòng hộ, happily, bhikkhu, will you live. Chánh niệm trú an lạc.

380. Oneself is refuge of oneself 380. Tự mình y chỉ mình, and one is a haven for oneself, Tự mình đi đến mình, therefore one should check oneself Vậy hãy tự điều phục, as a merchant with a splendid horse. Như khách buôn ngựa hiền.

381. The bhikkhu full of joy and faith, 381. Tỷ kheo nhiều hân hoan, bright in the Buddha's Teaching Tịnh tín giáo pháp Phật, can come to the Place of Peace, Chứng cảnh giới tịch tịnh, the bliss of conditionedness ceased. Các hạnh an tịnh lạc.

382. Surely that youthful bhikkhu who 382. Tỷ kheo tuy tuổi nhỏ strives in the Buddha's Teaching Siêng tu giáo pháp Phật, illuminates all this world Soi sáng thế gian này, as moon when free from clouds. Như trăng thoát khỏi mây.

Chú thích:

[1] Thân kiến, nghi, giới cấm thủ, dục ái, sân.

[2] Sắc ái, vô sắc ái, mạn, trạo cử, vô minh.

[3] Tín, tấn, niệm, định, tuệ.

[4] 5 trói buộc: tham, sân, si, mạn, tà kiến

[5] Bộc lưu: dòng nước lũ

[6] Bông lài.

XXVI- Brahmanavagga The Brahmana Phẩm Bà La Môn

383. O brahmin, strive and cleave the stream, 383. Hởi này Bà-la-môn, desires of sense discard, Hãy tinh tấn đoạn lòng, knowing conditioned things decay Từ bỏ các dục lạc, be Knower-of-the-Uncreated. Biết được hành đoạn diệt, Ngươi là bậc vô vi. 384. When by the twofold Dhamma 384. Nhờ thường trú hai pháp [1] a Brahmin's gone beyond Đến được bờ bên kia. Bà-la-môn có trí, Mọi kiết sử dứt sạch.

all the bonds of One-who-Knows have wholly disappeared.

385. For whom is found no near or far, 385. Không bờ này, bờ kia [2] for whom's no near and far, Cả hai bờ không có, free of fear and fetter-free, Lìa khổ, không trói buộc that one I call a Brahmin True. Ta gọi Bà-la-môn.

386. Seated stainless, concentrated, 386. Tu thiền, trú ly trần who's work is done, who's free of taints, Phận sự xong, vô lậu, having attained the highest aim, Đạt được đích tối thượng, that one I call a Brahmin True. Ta gọi Bà-la-môn.

387. The sun is bright by day, 387. Mặt trời sáng ban ngày, the moon enlights the night, Mặt trăng sáng ban đêm. armoured shines the warrior, Khí giới sáng ban đêm. contemplative the Brahmin True. Khí giới sáng Sát ly, But all day and night-time too Thiền định sáng Phạm chí. resplendent does the Buddha shine. Còn hào quang đức Phật, Chói sáng cả ngày đêm.

388. By barring-out badness a "brahmin" 388. Dứt ác gọi Phạm chí, one's called Tịnh hạnh gọi Sa môn, and one is a monk by conduct serene, Tự mình xuất cấu uế, banishing blemishes out of oneself Nên gọi bậc xuất gia. therefore one's known as "one who has left home".

389. One should not a brahmin beat 389. Chớ có đập Phạm chí! nor for that should He react. Phạm chí chớ đập lại! Shame! Who would a Brahmin beat, Xấu thay đập Phạm chí more shame for any should they react. Đập trả lại xấu hơn!

390. For brahmin no small benefit 390. Đối với Bà-la-môn, when mind's aloof from what is dear. Đây [3] không lợi ích nhỏ. As much he turns away from harm Khi ý không ái luyến, so much indeed does dukkha die. Tâm hại được chận đứng, Chỉ khi ấy khổ diệt. 391. In whom there is no wrong-doing 391. Với người thân miệng ý, by body, speech or mind, Không làm các ác hạnh in these three ways restrained, Ba nghiệp được phòng hộ, that one I call a Brahmin True. Ta gọi Bà-la-môn.

392. From whom one knows the Dhamma 392. Từ ai, biết chánh pháp by Perfect Buddha taught Bậc Chánh Giác thuyết giảng, devoutly one should honour them Hãy kính lễ vị ấy, as brahmin sacred fire. Như Phạm chí thờ lửa.

393. By birth one is no brahmin, 393. Được gọi Bà-la-môn, by family, austerity. Không vì đầu bện tóc, In whom are truth and Dhamma too Không chủng tộc, thọ sanh, pure is he, a Brahmin's he. Ai thật chân, chánh, tịnh, Mới gọi Bà-la-môn. 394. Dimwit! What's the coiled hair for? 394. Kẻ ngu, có ích gì For what your cloak of skins? Bện tóc với da dê, Within you are acquisitive, Nội tâm toàn phiền não, you decorate without! Ngoài mặt đánh bóng suông.

395. One enduring rag-robes, lean, 395. Người mặc áo đống rác, with body o'erspread by veins, Gầy ốm, lộ mạch gân, lone in the woods who meditates, Độc thân thiền trong rừng. that one I call a Brahmin True. Ta gọi Bà-la-môn.

396. I call him a brahmin though 396. Ta không gọi Phạm chí, by womb-born mother's lineage, Vì chỗ sanh, mẹ sanh. he's just supercilious Chỉ được gọi tên suông if with sense of ownership, Nếu tâm còn phiền não. owning nothing and unattached: Không phiền não, chấp trước that one I call a Brahmin True. Ta gọi Bà-la-môn.

397. Who fetters all has severed 397. Đoạn kết các kiết sử, does tremble not at all, Không còn gì lo sợ who's gone beyond all bond, unyoked, Không đắm trước buộc ràng that one I call a Brahmin True. Ta gọi Bà-la-môn.

398. When cutting strap and reins, 398. Bỏ đai da [4] bỏ cương [5] the rope and bridle too, Bỏ dây [6], đồ sở thuộc [7] tipping the shaft, he's Waked, Bỏ then chốt [8], sáng suốt, that one I call a Brahmin True. Ta gọi Bà-la-môn.

399. Who angerless endures abuse, 399. Không ác ý, nhẫn chịu, beating and imprisonment, Phỉ báng, đánh, phạt hình, with patience's power, an armed might: Lấy nhẫn làm quân lực, that one I call a Brahmin True. Ta gọi Bà-la-môn.

400. Who's angerless and dutiful, 400. Không hận, hết bổn phận, of virtue full and free of lust, Trì giới, không tham ái, who's tamed, to final body come, Nhiếp phục, thân cuối cùng, that one I call a Brahmin True. Ta gọi Bà-la-môn.

401. Like water on a lotus leaf, 401. Như nước trên lá sen, or mustard seed on needle point, Như hột cải đầu kim, whoso clings not to sensual things, Người không nhiễm ái dục, that one I call a Brahmin True. Ta gọi Bà-la-môn.

402. Whoso in this world comes to know 402. Ai tự trên đời này, cessation of all sorrow, Giác khổ, diệt trừ khổ, laid down the burden, freed from bonds, Bỏ gánh nặng, giải thoát, that one I call a Brahmin True. Ta gọi Bà-la-môn.

403. Whose knowledge is deep, who's wise, 403. Người trí tuệ sâu xa, who's skilled in ways right and wrong, Khéo biết đạo, phi đạo having attained the highest aim, Chứng đạt đích vô thượng, that one I call a Brahmin True. Ta gọi Bà-la-môn.

404. Aloof alike from laity 404. Không liên hệ cả hai, and those gone forth to homelessness, Xuất gia và thế tục, who wanders with no home or wish, Sống độc thân, ít dục, that one I call a Brahmin True. Ta gọi Bà-la-môn.

405. Who blows to beings has renounced 405. Bỏ trượng, đối chúng sanh, to trembling ones, to bold, Yếu kém hay kiên cường, who causes not to kill nor kills, Không giết, không bảo giết, that one I call a Brahmin True. Ta gọi Bà-la-môn.

406. Among the hostile, friendly, 406. Thiên thần giữa thù địch among the violent, cool Ôn hòa giữa hung hăng. detached amidst the passionate, Không nhiễm giữa, nhiễm trước, that one I call a Brahmin True. Ta gọi Bà-la-môn.

407. From whomever lust and hate, 407. Người bỏ rơi tham sân, conceit, contempt have dropped away, Không mạn không ganh tị, as mustard seed from a point of a needle, Như hột cải đầu kim, that one I call a Brahmin True. Ta gọi Bà-la-môn.

408. Who utters speech instructive, 408. Nói lên lời ôn hòa, true and gentle too, Lợi ích và chân thật, who gives offence to none, Không mất lòng một ai, that one I call a Brahmin True. Ta gọi Bà-la-môn.

409. Who in the world will never take 409. Ở đời, vật dài, ngắn, what is not given, long or short, Nhỏ, lớn, đẹp hay xấu the great or small, the fair or foul, Phàm không cho không lấy, that one I call a Brahmin True. Ta gọi Bà-la-môn.

410. In whom there are no longings found 410. Người không có hy cầu, in this world or the next, Đời này và đời sau, longingless and free from bonds, Không hy cầu, giải thoát, that one I call Brahmin True. Ta gọi Bà-la-môn.

411. In whom there is no dependence found, 411. Người không còn tham ái, with Final Knowledge freed from doubt, Có trí, không nghi hoặc,

who's plunged into the Deathless depths, Thể nhập vào bất tử, that one I call a Brahmin True. Ta gọi Bà-la-môn.

412. Here who's gone beyond both bonds, 412. Người sống ở đời này, to goodness and to evil too, Không nhiễm cả thiện, ác, is sorrowless, unsullied, pure, Không sầu, sạch không bụi that one I call a Brahmin True. Ta gọi Bà-la-môn.

413. Who, like the moon, unblemished, pure, 413. Như trăng sạch không uế is clear and limpid, and in whom Sáng trong và tịnh lặng, delights in being a consumed, Hữu ái được đoạn tận, that one I call a Brahmin True. Ta gọi Bà-la-môn.

414.Who's passed this difficult path, 414. Vượt đường nguy hiểm này, delusion's bond, the wandering-on, Nhiếp phục luân hồi, si, who's crossed beyond, contemplative, Đến bờ kia thiền định uncraving with no questioning doubt, Không dục ái, không nghi, no clinging's fuel so cool become, Không chấp trước, tịch tịnh, that one I call a Brahmin true. Ta gọi Bà-la-môn.

415. Who has abandoned lusting here 415. Ai ở đời đoạn dục, as homeless one renouncing all, Bỏ nhà, sống xuất gia, with lust and being quite consumed, Dục hữu

được đoạn tận, that one I call a Brahmin True. Ta gọi Bà-la-môn.

416. Who has abandoned lusting here 416. Ai ở đời đoạn ái as homeless one renouncing all, Bỏ nhà, sống xuất gia, with lust and being quite consumed, Ái hữu được đoạn tận, that one I call a Brahmin True. Ta gọi Bà-la-môn.

417. Abandoned all human bonds 417. Bỏ trói buộc loài người, and gone beyond the bonds of gods, Vượt trói buộc cỏi trời. unbound one is from every bond, Giải thoát mọi buộc ràng, that one I call a Brahmin True. Ta gọi Bà-la-môn.

418. Abandoned boredom and delight, 418. Bỏ điều ưa, điều ghét, become quite cool and assetless, Mát lạnh, diệt sanh y a hero, All-worlds-Conqueror, Bậc anh hùng chiến thắng, that one I call a Brahmin True. Nhiếp phục mọi thế giới, Ta gọi Bà-la-môn. 419. Who knows how clutching creatures die 419. Ai hiểu rõ hoàn toàn to reappear in many a mode, Sanh tử các chúng sanh, unclutching then, sublime, Awake, Không nhiễm, khéo vượt qua, that one I call a Brahmin True. Sáng suốt chân giác ngộ, Ta gọi Bà-la-môn. 420. Whose destination is unknown 420. Với ai, loài trời, người to humans, spirits or to gods, Cùng với Càn thát bà, Không biết chỗ thọ sanh

pollutions stayed, an Arahant, Lậu tận bậc La-hán. that one I call a Brahmin True Ta gọi Bà-la-môn.

421. That one who's free of everything 421. Ai quá, hiện, vị lai that's past, that's present, yet to be, Không một sở hữu gì, who nothing owns, who's unattached, Không sở hữu không nắm, that one I call a Brahmin True. Ta gọi Bà-la-môn.

422. One noble, most excellent, heroic too, 422. Bậc trâu chúa, thù thắng great sage and one who conquers all, Bậc anh hùng, đại sĩ, who's faultless, washed, one Awake, Bậc chiến thắng, không nhiễm, that one I call a Brahmin True. Bậc tẩy sạch, giác ngộ, Ta gọi Bà-la-môn. 423. Who so does know of former lives 423. Ai biết được đời trước, and sees the states of bliss and woe Thấy thiên giới, đọa xứ, and then who's reached the end of births, Đạt được sanh diệt tận a sage supreme with wisdom keen, Thắng trí, tự viên thành complete in all accomplishments, Bậc mâu ni đạo sĩ. that one I call a Brahmin True. Viên mãn mọi thành tựu Ta gọi Bà-la-môn.

Chú thích:
[1] Thiền Chỉ và Thiền Quán [2] 6 nội xứ, 6 ngoại xứ [3] sự trả đủa, trả thù
[4] Hận.
[5] Ái.
[6] Tà kiến.
[7] Tuỳ miên.
[8] Vô minh.
Dhammapadam Nitthitam

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.